TRI TÂN

Sinh ở nghìn trăm năm sau mà biết được nghìn trăm năm trước : không nhờ có sử thì lấy cái gì mà biết được ư ?

Dực-Tông hoàng-đế
(Việt-sử tổng vịnh tập tự)

SO 8 – 25 JUILLET 1941

TRONG SỐ NÀY :

Chuyện thơ
Trúc-Khê
Việc dịch sử, sách chữ hán của ta
Tam-Gia
Sử ta có những bộ nào ?
Hoa-Bằng
Trương vĩnh Ký, nhà bác-học việt-nam
Lê-Thanh
Hà-nội xưa và nay
Tiên-Đàm
« Đọc Phong-lan »
Hội-Thống Vũ văn-Lợi
Nghề hàng không ảnh hưởng đến cuộc nhân sinh và văn-chương thế nào ?
Nhật-Nham
Hoa-kỳ và Đức
Khái-Sinh
Phương thuốc gây phúc gia-đình
Nguyễn-Phường
Thơ Vương-Bột :
Tiểu-thuyết lịch-sử, v. v.

Mỗi số 12 xu

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA NGÀY THỨ SÁU HÀNG TUẦN

Xin chất-chính cùng các bạn

VIỆC DỊCH CÁC SỬ SÁCH BẰNG HÁN-VĂN CỦA TA

Dịch sách, đã là một việc cần ; dịch các sử, sách ta, lại là một việc cần hơn. Chúng tôi xin tán động với ông bạn Tam-Gia, tác giả bài dưới đây, về cái đề-nghị việc dịch các sử sách nam-việt. Song, chỉ tiếc, trong khi làm việc phiên-dịch ấy, có nhiều điều rất khó-khăn :

Các dịch phẩm, nếu chỉ phiên âm hán tự ra tiếng ta, mà không đang nguyên-văn bằng chữ nho, thì rất khó cho người đọc. Vì một khi in sai vần hay mất dấu : thật bất tiện cho sự khảo-cứu nguyên-văn !

Vả, cho dẫu có đủ chữ nho để in đi nữa, nhưng nhà xuất-bản nào dám cả gan bỏ một số tiền lớn ra in, rồi ngồi nhìn lớp bụi « thời-gian » cứ dần dần xông đến phong dày đống sách « khó tiêu » ấy ?

Trong khi chưa gỡ được những nỗi khó kia, chúng tôi tưởng, ta hãy làm công-việc trích-dịch là hơn cả. Phàm những sử liệu gì cần thiết, những đoạn sách nào quan yếu, những điển - chương, chế - độ, hay nguyên-nhân một sự-biến gì có dính-líu mật-thiết đến quốc kế dân sinh, những truyện-ký, dã-sử và tạp-lục có cần làm tài liệu tham-khảo, ta hãy cứ dịch dần để hiến cho những ai muốn khảo-cứu mà không xem được, các sử sách bằng chữ hán của các cụ xưa.

Nếu các bạn đọc đồng ý, thì Tri Tân, sau khi đăng trong thiên tiểu-thuyết « Bà Quận Mỹ » sẽ thay vào đấy trang trích dịch các sử sách chữ hán của ta.

Để đợi tiếng đáp của các bạn, Tri-Tân xin hãy nhường lời ông bạn Tam-Gia rõ rõ về việc dịch sử sách của ta do ông đề-xướng.

Rồi nối lời ông Tam-Gia, bạn Hoa-Bằng ở gần thì đu những bộ sử của ta viết bằng chữ hán như trong Tri Tân số 6 đã rao. *T. T.*

GẦN đây, Quốc-sử đã bắt đầu được người nước ta khảo, yêu, đọc. Các nhà xuất-bản thi nhau phát-hành đủ loại sách về sử : ký-sự lịch-sử, tiểu-thuyết lịch-sử, khảo-cứu lịch-sử, phê-bình lịch sử... Phẩm chưa là bao, lượng cũng chưa là bao, song sự cố gắng đó đủ cho ta đặt vào tương-lai nhiều hi-vọng. Riêng tôi, tôi quả-quyết tin thời-gian rồi đây sẽ đem lại cho chúng ta một sử-gia có lương - tâm, có thực-học, có nhiệt-huyết để làm sống lại cái Dĩ-vãng bốn ngàn xưa.

Hiện nay, số ngọn bút sử có thể nhẩm được trên đầu ngón tay. Quanh đi quẩn lại, vẫn mấy mặt quen : Nguyễn-văn-Tố, Trần-văn-Giáp, Nguyễn-văn-Huyên, Trần-trọng-Kim, Dương-quảng-Hàm, Trần-thanh-Mại, Nguyễn-tường-Phượng, Hoàng - thúc - Trâm, Nguyễn-văn-Minh... Người đã ít, việc lại nhiều trong một nhiệm-vụ cực-kỳ khó-nhọc. Khỏi nói, ai cũng hiểu khi làm nhiều việc quá, những việc làm ra mất cả cái đặc-sắc riêng.

Chúng ta thiếu nhân-tài để đỡ gánh nặng cho mấy bậc đàn anh cặm-cụi về sử chăng ? Không. Nước Việt-nam, nhân tài không nghèo : trong khu-vực sử, chúng ta đã thấy tên Lê-văn-Hưu, Ngô-sĩ-Liên, Phan-huy-Chú, Lê-quý-Đôn bên biết bao nhiêu tên khác nữa.

Sở dĩ ít người chuyên về sử là vì không có hứng hay có hứng mà không có tài-liệu. Tôi thấy hạng không thích sử đã rút đi nhiều, từ ngày các thư điểm bày thêm nhiều sách sử, — dù là tiểu-thuyết lịch-sử. Người ta có thể nói là người đọc đã bắt đầu « ham » quốc-sử, mà không sợ mang tiếng nói ngoa. Có một vài tờ báo hàng ngày còn đặt ra cả một trang phụ-trương hàng-tuần về sử. Sách sử còn ra, sự hoan-nghênh chỉ có thể tăng mãi lên.

Những hạng người ham quốc-sử mà thiếu tài-liệu, theo một nghĩa tương đối, hãy còn nhiều lắm. Họ chỉ biết pháp-văn, mà các sách pháp-văn dịch, khảo sử ta không bao nhiêu, và cũng không đủ để cho ta tin hẳn. Họ chỉ biết có quốc-văn, nhưng các sách quốc văn khảo-cứu về sử ta lại càng ít hơn nữa. Họ ấp-ủ một quan-niệm thiêng-liêng về Tổ-quốc ; họ mong mỏi đem tài học rọi sáng những nơi còn tối-tăm trong sử nước nhà Hoài-bão ấy, chỉ có sự thất-vọng sánh tầy, vì họ quả thất vọng lắm-khi thấy môn sử học chỉ là một cấm-địa. Đã đành họ có thể học thêm chữ hán, và sử-học không là-độc-quyền của người biết chữ hán. Có bạn trẻ đã làm thế ; sự gắng-gỏi của họ đã có kết quả. Tiếc thay đấy là một con đường dài, quá dài, trong khi các bậc đàn anh thừa tài, thừa sức để vạch một lối đi ngắn hơn, ngắn nhiều.

Tôi muốn nói tới sự phiên-dịch các sách trước-tác bằng Hán-văn của ta ra quốc-văn. Hơn hai mươi năm về trước, ông Phan-kế-Bính hẳn đã có ý ấy lúc ông đem dịch bộ *« Thực-lục »* của quốc-sử-quán, quyển *« Đại-nam nhất-thống chí »* của Cao-xuân-Dục, đăng trong Đông-dương tạp-chí. Về sau, trong Nam phong cũng có một ít sách được dịch ra quốc-âm (như những bài trích ở *« Lữ-trung tạp-thuyết »* của Bùi-huy-Bích, ở *« Vũ-trung tùy-bút »* *« Tang-thương ngẫu-lục »* của Phạm đình-Hổ).

Tôi thiết-tưởng muốn khoa khảo sử của ta được rộng phạm-vi và được nhiều người góp sức, mà đấy cũng còn là một vườn ươm lấy nhân tài về sử-học, không gì hơn

là đem bao nhiêu sách viết bằng hán-văn của ta phiên âm rồi dịch ra quốc-văn, chỗ nào khó hay có điển thì chú thích cho rõ. Bọn tân-tiến đã được các sách quốc-văn, Pháp-văn, đã được làm quen với những phương-pháp phân-tích, tổng-hợp của Thái-tây, nay lại được đọc các sách hán-văn của tiền-nhân mà không mất công: ngày ấy sử-học bắt đầu mở một kỷ-nguyên mới.

Công-cuộc này trông-cậy ở các bậc nho-học uyên-thâm, và có thể lấy tờ Tri-Tân chẳng hạn làm môi giới. Tôi xin thử phác sau đây một chương-trình làm việc:

1·) Kê hết các sách của ta viết bằng hán-văn; quyển nào cần dịch ngay để lên trên, quyển nào chưa cần xuống dưới;

2·) Vị nào muốn dịch quyển nào thì cho Tri-Tân biết để đăng lên báo. như vậy khỏi hai người dịch trùng, phí mất thì-giờ;

3) Công việc gồm có: dịch âm rồi dịch nghĩa; chỗ khó hay chỗ có điển, thì chú-thích; không cần in lại nguyên-tác bằng chữ hán;

4·) Dịch đến đâu, đăng dần lên Tri-Tân. Khi hết một quyển, có thể xuất-bản thành sách được. Hoặc lập hẳn một tùng-thư riêng, hoặc đưa cho một tùng-thư nào có rồi mà chuyên về sử-học phát-thành. Tôi chắc có người sẵn-sàng đứng xuất-bản nếu công-cuộc có tính cách lâu dài).

5·) Điều-đình xuất-bản những bản dịch đã có sẵn.

●

Đây tôi đứng riêng về quan điểm sử-học mà nói. Thực ra, sự dịch sách sang tiếng mẹ đẻ là một nguyên-tắc chung về mọi phương-diện của văn-hóa nước nhà. Vì ở nước ta bây giờ hay về sau, sự khảo-cứu, dù về sử hay về khoa-học, không nên để là độc-quyền của một thiểu-số may-mắn biết pháp-văn hay hán-văn.

TAM-GIA

Sử ta viết bằng chữ hán có những bộ nào?

Muốn giới-thiệu với các bạn biết sơ về « kho » sử-ký của ta xưa có những gì, chúng tôi xin nối lời ông bạn Tam-Gia, liệt-kê tên các sử cũ và nói qua nội-dung từng bộ một ra sau đây để hiến những bạn nào muốn khảo-cứu về Nam-sử. Còn việc nên dịch quyển nào trước, quyển nào sau, đó lại là vấn-đề khác, nay chưa bàn đến. (Trong bài này có những phần dài ngắn không đều, là tùy theo sự khảo-cứu được đầy đủ hay sơ lược. Xin các độc-giả lượng thứ cho chỗ sâm-si ấy).

Việt-chí

Trần-Tấn (1), Hàn-trưởng dưới triều Trần-Thái-Tông (1225-1258), đứng làm. Song thất truyền, nay không rõ nội-dung bộ sử này thế nào.

Đại-việt sử-ký

Lê-văn-Hưu (2) (1230 — ?) vâng mệnh vua Trần Thái, chép từ Triệu Vũ-đế đến Lý Chiêu-hoàng (trong khoảng 10 17 năm: 207 tr. J. C. — 1224 s. J. C.).

An-nam chí-lược

Lê-Tắc soạn. Sau khi phản-bội Trần, xuống hàng Nguyên, sang ở đất Tàu, Lê-Tắc suạn bộ *An-nam chí lược*, 20 quyển.

Trừ những bài tựa của người Tàu viết, lần lượt để ở đầu sách, chính tác-giả Lê-Tắc có bài « tự tự » nữa. Trong có nói: « Khoảng mười năm, đã đi khắp nửa phần đất nước, nên đối với sông, núi, đất, đai, cũng biết rõ được đôi chút... Nhân lúc ngày rảnh, chắp-nhặt thập-tập lại, rồi lượm thêm quốc-sử các đời, đồ kinh Giao-chỉ và điển-cổ ở đời nhất-thống ngày nay, làm thành bộ *An-nam chí-lược* 20 quyển...

Tắc lại viết: « Phong thổ An-nam đối với Trung-quốc dẫu có khác, song cũng có nhiều việc đáng kỷ-thuật, không nên bỏ qua. Nhiều nhà ghi chép tuy rộng, nhưng chống-trả lẫn nhau cũng nhiều!...»

Và: « Sách này làm ra vốn căn cứ ở chỗ thấy nghe... Rồi Tắc nói nhún: « Sánh với các sách há chẳng có chỗ sai-ngoa? »

Bài tựa này viết nhằm tiết thanh-minh mùa xuân năm Ất mão năm đầu niên-hiệu Nguyên-thống (1333). Dưới ký là *Cổ-Ái* (các chỗ ở đầu từng quyển có thêm hai chữ « Đông-sơn » nữa) *Lê-Tắc*.

Trong bài Đồ-chí-ca, Tắc có câu: « *Nhân nhàn, chắp-nhặt điều nghe cũ, làm cuốn Phong-thổ-chí An-nam* » (*Thừa nhàn suyết-tập cựu sở văn, tả tác An-nam phong-thổ chí*). (Coi quyển 19, tờ 2).

Sách này chia làm 20 quyển, mỗi quyển trên dưới 10 tờ.

Nội-dung như dưới đây:

Quyển I, 13 tờ

Quận, ấp
Núi, sông
Cổ-tích
Phong-tục
Mấy nước nhỏ phục thuộc An-nam
Trắc ảnh (Lối đo bóng mặt trời, xem An-nam ở vào đâu).

Quyển II, 13 tờ

Chiếu-chế của nhà Nguyên
Thư-mệnh các triều-đại Tàu trước

Quyển III, 11 tờ

Việc giao-thiệp giữa Nguyên và Trần (Đại Nguyên phụng sứ)

Quyển IV, 11 tờ

Việc Nguyên sang đánh ta
Việc các triều-đại Tàu trước chiến-tranh với ta

Quyển V, 16 tờ

Thơ-tờ các bầy tôi nhà Nguyên giao thiệp với Trần.

Quyển VI, 12 tờ

Những tờ biểu đời Trần đưa sang Nguyên
Thư, biểu các đời trước bên ta đưa sang Tàu

Quyển VII, 7 tờ

Các thứ-sử thái-thú đời Hán
Các thứ-sử thái-thú đời Tam-quốc (phụ)

Quyển VIII, 7 tờ

Các thứ sử, thái-thú đời Lục-triều

Quyển IX, 11 tờ

Các đô-hộ và thứ-sử đời Đường

Quyển X, 7 tờ

Những người Tàu các đời vong mang sang Nam.

Quyển XI, 10 tờ

Lịch-sử họ Triệu.

Các nhà. . . . . .Annam trong đời Ngũ-đại

Lịch-sử nhà Đinh

Lịch-sử nhà Lê

Quyển XII, 6 tờ

Lịch-sử nhà Lý

Quyển XIII, 6 tờ

Lịch-sử nhà Trần

Quyển XIV, 11 tờ

Việc học

Quan-chế

Sắc phục

Hình-chính

Binh-chế

Các đời sai sứ sang Tàu

Quyển XV, 12 tờ

Nhân-vật

Thổ-sản

Lâm-ấp phụ)

Quyển XVI, 7 tờ

Tạp-ký

Tạp-vịnh của người Tàu các đời

Quyển XVII, 13 tờ

Các bài thơ của sứ Nguyên và của người mình tặng lại họ.

Quyển XVIII, 10 tờ

Thơ của các danh-nhân An-nam

Quyển XIX, 6 tờ

Bài đồ chi ca của Lê-Tắc

Lài tự-sự của Lê-Tắc

Quyển XX

Thiếu

Đại-việt sử-ký tục-biên

Của Phan-phu-Tiên (3) chép nối từ đời Trần-Thái-Tôn đến lúc quét sạch giặc Minh (trong vòng 203 năm 1225-1428).

Đại-việt sử-ký toàn-thư

Ngô-Sĩ-Liên (4) vâng mệnh vua Lê Thánh-Tông (1460-1497) chép từ Hồng-bàng đến thập nhị sứ-quân, gọi là *Ngoại-kỷ*; từ Đinh Tiên-Hoàng đến Lê Thái-Tổ là *Bản-kỷ*.

Việt-sử thông-giám (5)

Vũ-Quỳnh (6) vâng mệnh vua Lê Tương-Dực 1509-1515) cũng theo như trước chép từ Hồng-bàng đến thập nhị Sứ-quân là *Ngoại-kỷ*, từ Đinh Tiên-Hoàng đến năm vua Lê Thái-Tổ mới đại-định là *Bản-kỷ*. Lại chép tiếp từ đó đến đời Thụy-Khánh, niên hiệu vua Lê Uy-Mục 1505-1508).

Đại-việt tổng-luận

Lê-Tung (7) (người đời Lê Tương-Dực, 1509-1515) soạn. Trong nói tóm tắt việc làm của các vua chúa. Bắt đầu từ hai vua nhà Đinh đến 12 đời vua nhà Trần.

Vịnh-sử thi-tập

Đặng-Khiêm, người đời Lê Chiêu-Thống (1516-1521), vâng mệnh nhà vua mà làm ra.

Đại việt sử-ký toàn-thư

Bộ này gồm có ba phần:

1· Phạm-công Trứ (8) soạn từ Lê Thái-Tông (1434-1442) đến Lê Cung-Hoàng (1522) gọi là *Bản kỷ thật lục*; lại từ Lê Trang-Tông (1533-1548) đến Lê Thần-Tông (1619-1642), gọi là *Bản-kỷ tục biên*.

2· Lê-Hi (9) biên tiếp từ đời Lê Huyền-Tông (1663-1671) đến năm Nguyên-đức thứ hai đời vua Lê Gia-Tông (1672-1675), cũng gọi là *Bản-kỷ tục-biên*.

3· Ngô-thời-Sĩ (10) Nguyễn-Hoàn (11), v. v. biên tập, từ Lê Hi-Tông (1676-1704) đến đời Lê Ý-Tông (1736-1739), gọi là *Quốc-sử tục-biên*.

Việt-sử tiêu-án

Của Ngô-thời-Sĩ, chép từ đời Hồng-Bàng đến lúc người Minh dời khỏi nước ta. Tác giả chọn từng việc nêu lên mà bàn xét.

Lê-triều thông sử

Lê-quý-Đôn (12) chép từ Lê Thái-Tổ đến Lê Cung-Hoàng (1428-1522). Lại cpép tục biên từ Lê Trang-Tông đến Lê Ý-Tông (1533-1739).

Lịch-triều hiến-chương loại-chí

Tác giả là Phan-huy-Chú. Sách chia từng loại như *bang-giao, hiến-chương, thư-tịch, nhân-vật, quan-chức*, v.v. Xếp đặt có phương pháp, khảo cứu rất kỹ càng, thật là một bộ sách thuộc loại sử-ký rất có giá trị. Chính bộ «*Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*» cũng nhặt nhiều tài liệu ở trong sách này. Có dịp, chúng tôi sẽ nói riêng về «*Lịch-triều hiến-chương*» cho được kỹ hơn.

Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục

Do Sử-quán triều Nguyễn đứng làm từ năm Tự-đức thứ 9 (1856) đến năm Kiến-phúc nguyên-niên (1884) mới xong. Chép từ Hồng-Bàng đến Thập-nhị Sứ-quân gọi là *Tiền-biên*; từ Đinh-Tiên-Hoàng đến Lê-Mẫn-Đế, gọi là *Chính-biên*. Đứng biên-tập và duyệt lại, có các ông Phan-Thanh-Giản, Lê-Bá-Thận, Phạm-Thận-Duật và Vũ-Như. v. v.

Việt-sử tổng-vịnh

Dục-Tông Anh hoàng-đế (vua Tự-Đức 1848-1883) soạn. Trong chia làm 11 loại: *đế-vương, hậu-phi, tôn-thần, hiền-thần, hiền-thần, trung-nghĩa, văn-thần, võ-tướng, liệt-nữ, tiếm-ngụy, gian-thần, đại-sự bổ-vịnh* bắt đầu từ Hùng-Vương đến cuối Lê-trung-hưng thì hết. Mỗi nhân-vật hoặc mỗi đại-sự có một tiểu-truyện (13) và một bài thơ (cộng được 212 bài thơ); Tác-giả theo quan-niệm chép sử của Kinh-Xuân thu, ngụ ý bao biếm khuyến trừng bằng cách vịnh thơ ngợi khen hoặc mỉa mai, hoặc rỉu bua. Có điều rất đáng tiếc: những nhân-vật phi-thường như Trưng-Vương, Triệu-Ẩu, Mai-Hắc-Đế, Phùng-Đại-Vương..., những sự-nghiệp oanh-liệt như đuổi Hán, đánh Ngô, chống Đường của các vị ấy đều bị tác-giả bỏ qua, không hề ca-vịnh đến! Ấy thế mà Sĩ-Nhiếp, người Quảng-tín, Thương-ngô (tổ tiên Sĩ là người nước Lỗ, tức tỉnh Sơn-đông bên Tàu bây giờ), chỉ là Thái-thú Giao-châu đời Hán Linh-đế, lại được tác-giả liệt vào loại «Đế-vương»!

Tựa của tác-giả viết ngày mồng 5, tháng 6, năm Tự-đức thứ 27 (1874).

Bài biểu của Nội-các xin đem in bộ *Việt-sử tổng-vịnh* thì đề ngày 15, tháng Giêng, năm Tự-đức thứ 30 (1877).

(*Xem tiếp trang 18*)

HOA-BẰNG

ĐỌC

« PHONG LAN »

hay là « Những nỗi băn-khoăn, thắc-mắc chung của một thế-hệ »

NẾU chúng ta cứ tin ở lời giới-thiệu của ông B. D. Ái-Mỹ, thì tập truyện *Phong Lan* của ông Lê - đình-Ngân, trong Thái-dương Văn-đoàn, mới xuất-bản gần đây, là *« một tác-phẩm chói-lọi... của một nhà văn đặc-sắc, một nhà tâm-lý mạnh-mẽ sâu xa ». Phong-Lan* là *một tràng mộng. Có lẽ đẹp quá. Nhưng mà cần ».* Tác-giả *« đã ghi lên mặt giấy những nỗi băn-khoăn thắc - mắc bao nhiêu năm xao-xuyến trong tâm - hồn ».* Phải chăng trong tập truyện này *« chỉ có một ít đời và rất nhiều tâm hồn họp lại thành bao nhiêu nghĩ-ngợi bâng - khuâng, không cốt để giải trí người ta, mà trái lại, để xui trí người thêm bận vẩn-vơ, lưởng-vưởng »* (Xuân-Diệu, Phấn thông vàng) ?

Phong-Lan ? Tả đời sống âm-thầm, buồn, nhạt của hai cô con gái — cô Thừa và cô Thiếu — trong một tỉnh nhỏ. Hai cô sống như chim trong lồng *« héo dần đi, mòn mỏi »* vì cao không tới, tấp không thông. Tác-giả *« tức-giận cảnh sống lờ-đờ của hai kiều diễm-lệ »*, và bởi thế mới *«sắp-đặt một chương-trình »* làm cho hai cô *« phải đứng dậy tươi cười hay tức tối lên một ti »*

Lo-nghĩ, mở đầu tập truyện, diễn-đạt *« triết lý của tác-giả ».* Ta thấy ông Đinh-Ngân đã *« băn-khoăn lo-ngại giùm »* đứa trẻ bán lạc rang, giữa đêm khuya, mưa phùn, còn đi bán hàng về lấy tiền giúp mẹ. Rồi ông sực nhớ đến lời của người bạn thân nhất ; *« Lo-nghĩ, đời chúng ta chỉ có khổ vì thế ! Nhưng biết làm thế nào ?»* Lo ăn, lo mặc, lo cung-cấp cho gia-đình, hay lo cho đừng thua chúng, kém bạn, lo cho tròn phận-sự nam-nhi gánh-vác với đời, để khỏi mang tiếng là ký-sinh trùng ư ? Nếu lo như thế, thì việc chi mà kêu «khổ» ? Nghĩ gì ? Nghĩ chuyện đời xưa, thương người đời nay, nghĩ thói đời đen bạc, nghĩ thân phù thế « bọt trong bể khổ, bèo dầu bến mê » ư ? Nếu nghĩ như thế thì can chi mà kêu « khổ » ? Người ta chỉ là một cây sậy yếu nhất trong vũ-trụ, nhưng là một cây sậy biết tư-tưởng. Tư-tưởng chỉ mang lại cho ta những giờ, phút thần-tiên, mà không một khoái-cảm nào thuộc về vật-chất có thể sánh kịp Tư-tưởng nâng cao phẩm-giá con người, và nếu có, thì chỉ mang lại cho ta, một đôi khi, những nỗi buồn, thương, man-mác, chứ không hề làm cho ta phải khổ bao giờ. Và khi ta có một cuộc đời bên trong (vie intérieure) dồi-dào, thì ta sống vui-vẻ, can-đảm, có khổ đâu !

Ông bạn thân của tác-giả lại *« băn-khoăn thắc-mắc luôn-luôn, và.. ao ước. . sự đổi mới bất cứ về một phương-diện gì».* Thì có mới, nơi cũ, là thường tình con người ta ; ai mà chẳng ham mới, chuộng lạ ? Tảo (bạn của tác-giả) *«mê một cuộc đời luôn luôn hoạt-động ». «Những chữ mới-mẻ, lo nghĩ, thay đổi»* đã *«thấm tận trong hồn »* tác-giả. Nhưng cuộc đời, tự nghìn xưa, vốn vẫn luôn luôn đổi mới, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi thay-đổi. Đời ta chỉ là một cuộc *đi tới vĩnh-viễn* (la vie est un perpétuel devenir) Nữ thi-sĩ De Noailles đã phải than rằng : *« Tâm hồn ta buổi tối nay còn đâu nữa ! » (Nous n'aurons plus jamais notre âme de ce soir)* !

Luôn luôn hoạt động ? Thì cuộc đời chẳng là một cuộc chiến-đấu không ngừng với thần chết, với mọi nỗi khó khăn về vật chất cũng như về tinh-thần mà ta gặp trong khoảng ba vạn sáu nghìn ngày đó sao ?

Tóm lại, triết-lý của tác-giả không có gì là *« mạnh-mẽ sâu-xa »* cả. Trái lại...

Ông B. D. Ái-Mỹ viết trong bài « Tựa » : *« Phong-Lan... là một tác-phẩm hết sức cận-đại... bởi cách vẽ phác những nhân-vật rất giống, rất sống, tiêu - biểu cho thời-đại hiện nay... »*

Vỹ (Hai buổi sáng) có đáng làm tiêu-biểu cho thời-đại hiện nay không ? Vì chán nản cuộc đời đều đặn quá của chàng,— đời cạo giấy — và *nhân dịp « ông chủ sở » thải ra*, nên Vỹ *«về quê với một ý-định hăng hái »*, ra làm lý-trưởng, và luôn trong ba năm *« đem vào tâm-não các người quanh chàng những ý-tưởng mới ».* Những người chân lấm tay bùn thấy *« chân trời của họ sẽ mở rộng ra khỏi lũy tre xanh, họ sẽ hưởng được một ít hạnh-phúc ở đời... » « Trời đã sáng...»* Vỹ có là một nhân-vật cận-đại, rất sống, rất giống không ? Hay chỉ do óc tưởng tượng của tác-giả tạo nên ? Trong một khoảng thời-gian ngắn ngủi ba năm, có thể cải - tạo được xã - thôn từ hình-thức đến tinh-thần không ? Xin chất-chính cùng độc-giả.

Còn như bảo Vỹ là một trong những nhân-vật *« tiêu-biểu cho thời-đại hiện nay »* thì tôi nhất định, phản-đối. Vì sao ? Vì Vỹ,

khi còn đi làm thư-ký sở buôn, đã « *cảm thấy cuộc đời chán nản của chang* » ; có lẽ một phần vì công việc ngày nào cũng như ngày nào, không thay đổi, nhưng một phần cũng tại thiếu lương-tâm nhà nghề, không vui lòng, can đảm, mà làm tròn phận-sự mình Không có nghề nào dại cả Kịp đến khi bị thải, về làm lý trưởng thì đã chắc đâu là đủ nghị-lực, đủ tin-tưởng, đủ nhiệt-thành hăng hái để theo đuổi một công cuộc mà lâu ngày mới trông thấy kết quả? Mới bước chân vào cuộc đời, mà đã thấy lòng chán nản, thì đâu có xứng đang làm tiêu-biểu cho thời-đại ? ?

Cũng như Ngâm (một chuyện gặp gỡ trên xe hỏa) « *chán cuộc đời ở công sở lắm rồi* », nên xin nghỉ một năm để đi chơi xa « *bất cứ la đi đâu* ». Vậy ra Ngâm không có mục đích gì cả sao ? Đi chơi xa để làm gì ? Đi đâu ? Để tìm gì ? Ngâm không biết ! Cho nên, trên xe hỏa, mới gặp một cô nữ học sinh, chàng vội quên ngay rằng mình đang định đi chơi xa. Hai người quen nhau, rồi « sung sướng vì... thấy *có một vật quen chung* (?) để nói chuyện » *Vật quen chung* đây không gì khác hơn là mấy ông giáo cũ của Ngâm, bây giờ dạy Túy (tên cô bạn đồng-hành). Rồi Túy xuống ga Nong, Ngâm ra Hanoi ; nhưng, đi được ít ga, Ngâm lại trở về Nong .. Ba tháng qua...

Rồi tác giả cho ta biết « *lòng Ngâm bây giờ đã hết hăng-hái, băn-khoan, thắc-mắc như xưa* ». Vì một lẽ rất dễ hiểu : *chàng đã có vợ* Than ôi ! Thật là đáng buồn cho một nhân-vật tiêu-biểu cho thời-đại hiện nay ! Thanh-niên muốn hết băn-khoăn, thắc-mắc, thì cứ việc lấy vợ đi ! Thật là giản-dị quá !

« *Hai đoạn đời* » cho ta thấy Vân, một thanh - niên đã từng sống « *một cuộc đời rộng rãi, say mê đắm đuối theo sự hành-động* », trở về quê nhà, rồi lấy Lan, người bạn học « *từ ngày tóc còn để chỏm* ». « *Cuộc đời hang hái* » đến nay chỉ còn là một kỷ-niệm. « *Lòng chàng mềm nhũn* » khi thấy « *đôi giọt lệ lặng lẽ rơi trên gò má Lan* ». Vả lại, « *chính trong thâm tâm chang, chàng đã bắt đầu mến cảnh đời an-nhàn ấm-cúng...* » Cho đến một buổi sáng mùa thu, thấy Tâm, bạn đồng-chí cũ, bị bắt giải xuống huyện, đi qua trước nhà, thì « *cả cuộc đời hoạt - động hăng - hái* » lại « *nổi dậy trong lòng chàng với sự cắn rứt của lương-tâm* ». Vân bỏ nhà ra đi một phen nữa. Không biết có ngày nào lại trở về với Lan để sống « *một cuộc đời ấm-cúng* » không ?

Vân tự nhiên thôi học « *cùng với anh em bạn trẻ tuổi say-mê đắm đuối theo sự hanh - động không bao giờ nghỉ đến ái-tình* » (?). *Mấy năm lưu - lạc ở đất khách* » (?). Vân lại trở về quê ; rồi lập gia-đình, sống một cảnh đời an-nhàn. Được ít lâu, nghe theo tiếng gọi của cuộc đời hoạt-động, hăng-hái, lại ra đi... Vân không có chủ ý nhất định ; lúc nào cũng chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh. Nghe anh em bạn rủ rê thì đi theo, lúc thấy lòng chán nản, lại tìm về cố-hương « *Những kỷ-niệm ngày còn thơ, tấm ái-tình êm dịu* » làm cho Vân thay đổi chí-hướng, như ta thay áo lót mình ! Lấy vợ rồi, Vân sẽ mãi mãi sống trong cảnh đời an-nhàn, nếu sự tình-cờ không xu khiến cho một bạn đồng-chí bị bắt, giải xuống huyện, đi qua nơi chàng ở ! Đoạn đời về trước, cũng như đoạn đời về sau, Vân lần chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh, và ngoại vật kích thích, có lẽ trong thâm-tâm chàng cũng chẳng biết ý-định của chàng ra sao !.

Vườn cau có lẽ là mối tình đầu của tác-giả, khi ngoài hai mươi tuổi « *đã lang thang với đời* ( ) *trong ba bốn năm trời* ».

« *Thực... giả* » : truyện Quân và Kim-Dung, « *hai người tài-tử, cùng đóng trong một vở tuồng* ». Rồi họ « *lại đóng với nhau những vai hài-kịch ở đời* ». Nhưng kết-cục thì cả đôi cùng chết trên sân khấu (?) : Quân yêu người khác ; Kim-Dung, trong khi đóng trò, bỏ thuốc độc cho Quân uống, rồi cũng uống để theo chàng xuống tuyền-đài, mang một khối tình chưa tan...

Tác - giả « *băn - khoăn tự hỏi không biết đâu là giới - hạn của thực và giả ở đời* ». Cốt truyện không lấy gì làm mới mẻ lắm ; và đôi tài - tử xấu số ấy cũng không đáng làm « *tiêu-biểu cho thời-đại hiện nay* ».

Tóm lại, những nhân-vật, do ông Lê-Đình-Ngân vẽ phác, đều rất tầm thường, sống một cuộc đời tầm - thường, trong một « khung cảnh » tầm - thường, không có gì đáng làm tiêu-biểu cho thời-đại hiện nay. Những nỗi băn-khoăn, ham muốn, thắc-mắc, ngại ngùng của họ đều là những nỗi niềm tâm-sự riêng của một cá-nhân, không thể nào lại gọi được là những nỗi băn-khoăn, thắc-mắc chung của một thế-hệ được.

Tác-giả đã « *say sưa viết* », ông B. D Ái-Mỹ đã « *say sưa trình-bày với bạn đọc tập Phong-Lan* » ; nhưng không biết độ -giả có say-sưa đọc không ?? *Phong-Lan* là « *một trang mộng* » (?) có lẽ không cần lắm...

Hội - Thống

VŨ - VĂN - LƠI

Hán-văn trích diễm

«Đằng-Vương Các» — Thơ Vương-Bột

Nguyên-văn chữ hán

滕王高閣臨江渚
佩玉鳴鑾罷歌舞
畫棟朝飛南浦雲
朱簾暮捲西山雨
閑雲潭影日悠悠
物換星移幾度秋
閣中帝子今何在
檻外長江空自流

Đằng-Vương cao các lâm giang chử.
Bội ngọc, minh loan, bãi ca vũ !
Họa đống, chiêu phi Nam-phố (1) vân.
Chu liêm mộ quyển Tây-sơn (2) vũ.
Nhàn vân, đam ảnh, nhật du du.
Vật hoán, tinh di kỷ độ thu !
Các trung đế-tử kim hà tại ?
Hạm ngoại trường giang không tự lưu..

Dịch

Đằng-Vương, gác cũ, bên sông ngất.
Loan, ngọc còn đâu ! ca múa tắt !
Nóc vẽ, sớm bay mây lửng-lơ.
Mành son, tối cuốn mưa phăn-phắt.
Ngày dài, đầm ảnh bóng mây chơi...
Sao dời, vật đổi, mấy thu rồi !
Con vua trong gác nay đâu tá ?
Sông rộng, ngoài hiên, nước chảy xuôi...

Chú-giải

« *Đằng-vương các* » là một cái nhà gác của Đằng-vương Nguyên-Anh, con vua Đường Cao-Tổ, khi làm thứ-sử, dựng ở Hồng-châu (nay là phủ Nam-xương thuộc tỉnh Giang-tây bên Tàu).

« *Giang-chử* » là một cái bãi nhỏ trong sông.

« *Bội ngọc* » : xưa người quân-tử tỏ ý muốn đức mình cũng được ôn-hòa thuần khiết như ngọc, nên hay đeo ngọc ở nơi đai. Xe nhà quí-phái xưa thường chạm chim loan, miệng chim loan có ngậm cái nhạc, hễ xe đi thì nhạc kêu, nên gọi là « *minh loan* ».

« Đống » là cái gỗ đặt trên các đầu kèo, tức là cái gỗ nóc.

Trong bài « Đăng Tây lâu phú » có hai câu cũng na-ná giống lối đặt của hai câu thứ ba, thứ tư trong bài thơ này : « *Họa-đống phù tế tế chi khinh vân ; chu củng thấp mông-mông chi phi vũ* ». (*Gỗ nóc vẽ-vờn nổi mịn-màng mây nhẹ ; đầu nhà sơn đỏ nhuần phơi-phới mưa bay*).

Mấy chữ « *nhật du-du* », ta thấy câu thơ của Thôi-Hạo cũng có dùng đến : « *Bạch vân thiên tải nhật du du...* » (*Mây trắng nghìn năm ngày đằng đẵng*).

Ý toàn bài : tác-giả bùi-ngùi trước cảnh phồn-hoa dễ tiêu-tan ! Mở đầu nói cái cao các ở bên sông là nơi ngọc đeo, loan kêu của Đằng-Vương xưa. Nhưng nay ? Cuộc múa hát đã tàn, nóc nhà và mành cửa cũng tiêu-điều, lạnh-lẽo ! Mây lơ-lửng, mưa bẽ-bàng, thời tiết cứ đắp đổi, cảnh-vật cứ biến-thiên, còn Đằng-Vương là con vua thì nào đâu nhỉ ? Chỉ thấy phía ngoài cao-cao, nước sông lạnh-lùng trôi...

Bài thơ này nguyên là một đoạn cuối kết thúc bài *Đằng-vương các tự* », một áng văn viết lối đối nhau từng câu, từng vế, rất hùng-tráng, rất bay bướm, rất kênh-kiệu, rất đẹp đẽ của Tử-An (tên tự của Vương-Bột).

Diêm-bá-Dư, khi làm đô-đốc ở Hồng-châu, đứng trùng-tu cái các của Đằng-Vương. Ngày mồng 9 tháng 9, Diêm làm tiệc ở cái cao các ấy để thết khách.

Muốn phô con rể là Ngô-Tử-Chương có tài-bộ đây, Diêm sai làm sẵn một bài *tự* để, khi yến khách, cho rể cứ việc tuôn ra mà khoe-khoang.

Bấy giờ Vương-Bột nhân đi thăm cha là Phúc đang làm Giao-chỉ lệnh, tiện đường qua Hồng-châu, có ghé vào dự tiệc của Diêm.

Khi tân-khách đã tề-tựu, Diêm lần-lượt ngỏ lời xin cử tọa cho bài *tự* để kỷ thuật về « Đằng-Vương các » và cuộc gặp mặt các văn-gia, thi-hào, võ-tướng trong dịp hội ẩm bữa nay. (Diêm định ý : hễ khách từ chối cả, thì sai rể cứ việc tuôn đọc bài tự đã nghĩ sẵn từ trước).

Đến lượt Vương-Bột. Vương nhận lời ngay, không từ chối. Diêm khó chịu lắm, bèn mật sai một viên thuộc lại đến « kèm » Vương, hễ thấy Vương viết được câu nào thì lập tức phải trình báo ngay câu ấy.

Nhưng, khi xem đến câu :

« *Lạc hà dữ cô vụ tề phi ;*
« *Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc...* »
(*Ráng rạng cùng cò côi vũ cánh ;*
Nước thu chung trời biếc màu da).

Diêm phải thán phục : « Vương-Bột thật là một thiên tài ! »

Tiểu - sử Vương - Bột

Là người Long-môn (thuộc tỉnh Trực-lệ bên Tàu) đời Đường Cao-Tông (650 683) Vương là hàng cháu đối với Tùy-vương Thông. Hồi lên sáu tuổi, Vương đã có khiếu văn-chương.

Trong tứ kiệt hồi đầu Đường, trên bọn Dương-Quỳnh, Lư-Chiếu-Lân và Lạc-Tân-Vương, người ta phải kể đến tay « đầu đàn » là Vương-Bột.

Mỗi khi làm văn, Vương thường mài mực sẵn trước, rồi đắp chăn nằm nghĩ. Khi nghĩ xong, Vương vùng dậy, cầm bút viết luôn một mạch. Người đời bấy giờ gọi là lối *giáp văn trong bụng* (phúc cảo).

Năm 29 tuổi, Vương đi biển, không may bị chết đuối : Làng thơ Đường mất một thiên tài, một thanh-niên đầy hứa-hẹn, một tương lai đầy rực rỡ !

Đối với Vương, có nhiều lời bình-luận khác nhau.

Bùi-Hành-Kiệm chê : « *Bọn Bột tuy có văn tài, nhưng nông nổi, nông-nảy và lộ-liễu . . .* » (Cựu Đường-thư, văn-uyển truyện).

Lục-thi Ung phê-bình : « *Vương-Bột thì cao cả, tài hoa, là tay anh kiệt hơn cả bọn Dương, Lư, Lạc Phong-điệu ăn vào lối Sơ-Đường, thường thường vẫn xen màu-sắc Lục Triều* ». (Thi - kinh tổng thoại)

Các thi-nhân hồi đầu đời Đường, phần nhiều vì quen theo cái lối tiêm-xảo diễm-lệ của Lục Triều, nên về mặt phong-điệu thì đáng khen, nhưng về phần khí-cách thì chưa được cao mấy ! Chính đối với Vương, lời phê-bình ấy cũng không phải không đúng

(1, 2) Tên hai cái núi. Vì cố dịch lấy tinh-thần, nên trong bài dịch bắt đắc dĩ phải bỏ bớt hai núi này trong hai câu thứ ba và thứ tư.

HOA-BANG

Xin hiến một phương thuốc : gây hạnh-phúc gia - đình

CÓ một vị thuốc tinh-thần trị bịnh rất công hiệu. Nhưng nếu các bạn tìm trong các pho sách thuốc đông tây, thì chắc không bao giờ thấy danh-từ vị thuốc ấy. Mà dù các bạn có hỏi các ông bào - chế chuyên-môn hay các ông lang có đủ các môn thuốc gia-truyền đi nữa, chắc cũng không ai biết vị thuốc ấy là gì Thế mà biết bao chứng - bệnh nhờ có phương thuốc này mới lành đấy.

Biết bao nhiêu bà bị bịnh mất ăn mất ngủ, trong mình mỏi-mệt thẫn-thờ ; biết bao nhiêu ông mắc chứng sốt ruột nóng lòng, trong người bực-dọc hồi hộp... Họ thi nhau đón danh-sư chẩn mạch, vứt tiền ra mua đủ thứ thuốc bổ Song, nếu chịu khó dòm-la nhận xét, sẽ thấy những chứng-bịnh ấy trăm phần trăm đều do sự gia-đình không hòa - thuận sinh ra cả. Thứ bịnh có cái gốc vô-hình ấy thì thuốc hữu-hình nào trị nổi ?

Vậy chỉ có vị thuốc tinh-thần, tức tâm lòng nhân-từ của vợ hoặc của chồng : thực-hành hai chữ « trung - thứ », tỏ lượng biết thương người, hiểu thấu tâm-lý, là có thể làm tiêu-tán được bịnh-căn mà thôi :

Chúng ta ai là người hoàn-toàn ? Chúng ta thường hay nhầm - lẫn. Ấy là giời sinh ra loài người như thế. Song chúng ta lại quá tự ái mà không ưa bị người khác nói nặng, đay-nghiến, nhiếc-móc. ấy, Đó là cái « thổ-ngơi » rất hợp cho thứ bịnh nơi trên dễ sinh ra.

Một điều nhầm-nhỡ cũng như một cái nhọt độc ở ngoài da. Ta biết ta có cái nhọt và cái nhọt đó nó làm cho ta đau-đớn khó chịu. Song ta sẽ bị đau-đớn gấp trăm gấp nghìn, nếu có người nắm tay đấm vào cái nhọt của ta mà bảo : « Anh có cái nhọt ghê gớm kia kìa ! »

Trên đời này nên biết thờ chủ nghĩa nhân-từ, mà ta được có một người bạn biết lấy mấy giọt nước cam-lộ xoa lên cái nhọt kia, rồi lấy vải mỏng nhẹ-nhàng băng bó để che nó đi cho ta, thì cái nhọt kia một ngày sẽ có thể lặn đi được.

Một câu nói dịu-dàng, một vẻ mặt nhân-từ âu-yếm, đó là một thứ thánh dược đối với loài người yếu-ớt dễ nhầm-lẫn, dễ cảm-xúc này.

NGUYỄN PHƯỜNG

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiềm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.38

Số 5

Thử viết VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

CÓ thể ví chữ Hán như một cây: gieo giống từ đời Tụy-nhân, mọc mầm ở đời Phục-hi, lớn lên dưới trào Hoàng-đế.

Lối chữ của Thương-Hiệt đặt ra đó gọi là cổ-văn (graphies antiques); người ta còn thấy được độ 1.098 chữ khắc ở những cái đồ đồng và bia đá của ba đời Hạ, Thương, Chu.

Lối năm 800 trước J. C. Sử lựu đặt ra lối đại-triện. Người ta kêu là lối Lựu văn (lối chữ của ông Lựu), hoặc lối chữ khoa-đầu (con nòng-nọc, têtards). Hồi thế-kỷ II trước Tây lịch, người Tàu tìm thấy trong tường nhà Khổng-phu-tử có chứa những sách viết theo lối chữ khoa-đầu đó. Lý-Tư (người đời Chiến-quốc) làm tướng nhà Trần, đặt ra lối tiểu-triện, nhằm năm 213 trước J. C. Trong bản Tam-thương của Lý-Tư truyền lại có tới 3 300 chữ. Nhà Tần có tất cả đến tám lối chữ, gọi là « bát thể »: *1. đại triện, 2. tiểu triện, 3. khắc phù, 4. trùng thư, 5. mô ấn, 6. thự thư, 7. thù thư, 8. lệ thư.*

Về sau, Trình-Mác đặt ra lối chữ lệ. Thái-Ung, người đời Tam-quốc, nghĩ đặt thứ chữ bát-phân. Chung-Do và Vương-Hi-Chi lại có những lối chân-phương, thảo và đá tháu. Ta cũng không nên quên Hứa-Thân, người đời Hán, có công sắp-đặt thứ lớp và cắt nghĩa những chữ cổ văn, triện, lệ, làm thành bộ sách « Thuyết-văn giải tự ».

Trong vòng hơn năm nghìn năm nay, chữ Tàu thay đổi nhiều lần, nhưng cội-gốc nó vẫn cứ đứng vững. Nay sánh những lối chữ đời sau với lối chữ cổ của Thương Hiệt, ta thấy mỗi chữ hãy còn dấu vết cũ của nó.

Chữ Hán mau tấn-tới lắm: Lối năm 800 trước J. C. mới có 3.300 chữ; đến đầu Tây-lịch đã được đến 7.380; vào khoảng thế-kỷ II, tăng lên tới một vạn. Qua năm 1716, bộ Tự-điển Khang-hi ra đời, người ta tính được đến 47 000 chữ. Từ khi mở cửa giao-thông với Âu Mỹ, người Tàu lại tự đặt hoặc thâu thái của Nhật được thêm nhiều tiếng mới nữa. Thế thì chữ Hán bây giờ được tới năm, sáu vạn tiếng rồi. (1)

Khi chữ Hán nhập cảng vào Việt-Nam, nó bị đọc theo lối ta, thành ra thứ tiếng Hán-Việt (sino-annamite) như ta đương dùng đó. Theo ông Henri Maspero, thì tiếng Nam mượn dùng chữ Hán có đến một nửa. Với nó, tiếng ta đã có cái liên-lạc mật-thiết như vầy, thì ta há lại không nên biết rõ lai-lịch Hán tự như trên đã nói?

1) *Sách, báo tham khảo:* « Trung-Quốc văn-học khái luận » *của Bức-Hồi (Thanh-niên tiến-bộ, số 53, Mai 1922);* « Les caractères chinois » *của Mission ở Hiển-huyện (xuất-bản tại Thượng-hải);* « Hứa-thận thuyết-văn giải tự tự » Quốc học văn tuyển *của Tiền Cơ Bác, Thương-vụ ấn thư quán, Thượng-hải).*

Còn nữa

Hộp thư

Ông J. Leiba. — Xin gửi cho cả nguyên-văn hai bài thơ cổ mà ông đã dịch. Cám ơn.

Hiệu Văn Hóa, Huế — Tri Tân số 4 chúng tôi gửi 60 quyển chứ không phải 40 như Quí hiệu đã biên trong relevé. Lần sau xin bù cho.

Ông Nguyễn minh Hương, Trà Vinh — Sao ông lại trừ những 25.l. ? Lệ nhà báo chỉ trừ 20.l. thôi. Ông nhớ cho. Về việc cổ động báo, rất hoan nghênh. Xin xem ở Tri-Tân số trước.

Hiệu Long Thành, Sóc trang — Trong relevé ông tính trừ những 25 l. là nhầm, vì lệ nhà báo chỉ trừ có 20.l. thôi. Nhớ kỳ sau tính giả ai cho.

Ông Vũ văn Lễ, kiểm học Quốc Oai — Cảm ơn ngài, sẽ đăng.

Về sự mất báo, Tri-Tân xin thanh minh

rằng không phải tự nhà báo sơ suất mà thực ở tự đâu đâu chúng tôi không được rõ, nên đã có thư đệ ông chánh sở Bưu-Chính Đông-Dương rồi. Các độc giả mua báo, giải hạn, nếu thiếu số nào, xin cứ cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ gửi bù.

TRI-TÂN

LÊ QUANG-ĐỊNH
(1759 — 1813)

THẾ kỷ thứ 18, ở Gia-định có ba thi-gia nổi tiếng, có công trong văn-học và sử-học, lại là công-thần khi nhà Nguyễn trung-hưng. Ấy là Nhữ-sơn Ngô-Nhân-Tĩnh, Cấn-trai Trịnh Hoài-Đức và Tấn-trai Lê Quang-Định. Hai nhà trên, Tri-Tân đã lần lượt đăng tiểu-sử ở số 6 và số 7, nay xin nói đến nhà thơ thứ ba:

Lê Quang-Định, tự là Tri-chỉ, hiệu là Tấn-trai, người huyện Phú-vinh, tỉnh Thừa-thiên.

Cha tên là Sách, làm quan Thủ-ngự tại Đà-Bồng-Nguyên, mất tại chức.

Khi còn nhỏ, mồ côi cha, vì nhà nghèo lắm, Lê Quang-Định phải cùng với anh, tên là Hiến, vào làm ăn trong đất Gia-định.

Lớn lên, Lê có tư-chất thông-minh và lại ham học. Có một ông thầy thuốc là Hoàng Đức-Thành đem lòng thương yêu, gọi gả con gái cho. Từ đó Lê lại càng siêng năng chăm chỉ học hành. Sau kết bạn với Trịnh Hoài-Đức và Ngô Nhân-Tĩnh, lập ra hội làm thơ văn, gọi là *Bình-dương thi-xã*. Các nhà văn học đương thời hưởng ứng, nhập vào thi-xã ấy rất nhiều.

Sau khi khắc phục được thành Gia-định, năm Mậu-thân (1788), vua Cao Hoàng cho mở khoa thi để kén nhân tài, thì Lê Quang-Định và Trịnh Hoài-Đức cùng đỗ một khoa, đều được cử làm chức Hàn-lâm-viện chế-cáo. Sau Lê lên làm Binh-bộ hữu-tham-tri.

Năm Canh-thân (1800) Lê cùng Nguyễn Văn-Nhân phò Đông-cung Cảnh ở lại giữ thành Gia-định.

Năm Nhâm-tuất (1802), Gia-long nguyên-niên, Lê được thăng Binh-bộ thượng-thư và đến mùa đông, sung làm chánh-sứ, cùng với hai giáp ất phó sứ Lê Chính-Lộ và Nguyễn Gia-Cát phụng mạng sang sứ bên nhà Thanh để cầu phong.

Hôm vào bệ kiến vua Tàu, Lê tâu với vua Thành Gia-khánh rằng: Triều Nguyễn có cả đất An-nam với đất Việt-thường, thật khác hẳn Trần, Lê trước. Vậy xin đổi quốc hiệu An-nam cũ mà gọi là Nam-Việt. Vua nhà Thanh bèn sai An-sát Quảng-tây là Tề-Bố-Sâm sang phong và đổi lại là Việt-Nam.

Quốc-hiệu Việt-nam là từ đấy!

Khi đi sứ về, Lê lại vẫn giữ bộ-vụ như trước.

Đến năm Bính dần (1806), niên-hiệu Gia long thứ 5, Lê phụng mạng soạn bộ «*Nhất-thống Dư địa-chí*» Lê kê cứu các đồ-tịch trong nước, nhặt lượm tài liệu, chép thành mười quyển: Nam tới Hà-tiên, Bắc đến Lạng-sơn, từ phong tục, thổ-sản cho đến các sông núi, đường xá, nhất nhất ghi chép kỹ càng. Khi xong, dâng lên, đức Thế-Tổ cho là tường tận lắm và ban khen.

Đến năm Kỷ-tị (1809), niên hiệu Gia-long thứ 8, Lê đổi sang Hộ-bộ thương-thư kiêm coi việc Khâm-thiên-giám.

Sang đến năm sau là năm Canh ngọ (1810), Lê phụng mạng lập sổ điền mà chia ruộng làm 5 hạng.

Năm Quý-dậu (1813), niên hiệu Gia-long thứ 12, Lê thọ bệnh, nghỉ ở nhà. Đức Thế-Tổ sai ông Hoàng Kiến-An thân đến tận nhà hỏi thăm, lại sai trung-sứ đem nhân-sâm và quế ban cho. Song không bao lâu thì Lê mất, thọ 54 tuổi.

Đức Cao-Hoàng lấy làm thương tiếc vô cùng. Hôm đưa đám, có cả chiến thuyền đi hộ tống.

Năm Nhâm-tý (1852), đời Tự-đức thứ 5, Lê được liệt vào Trung-hưng công-thần miếu.

Lê Quang-Định là người thông-mẫn, hoạt-bát, cần-mật và ít ham-muốn. Chữ viết rất tốt và vẽ thủy-mạc rất tài tình. Hồi đi Tàu, đến đâu ông cũng ngâm thơ, vẽ phong cảnh đến đấy. Người Tàu đã phải khen ngợi.

Trịnh Hoài-Đức đứng sưu tập tất cả những văn thơ của mình cùng của Lê Quang-Định và của Ngô Nhân-Tĩnh, họp thành một bộ, đem in, gọi là «*Gia-định tam-gia-thi*». Song tiếc thay, nay đã tìm khắp mà không đâu thấy thi-tập ấy!

NGUYỄN-TRIỆU

Đón coi:

Đọc bản dịch «Đại-học, Trung-dung» của Lê chí-Thiệp — của Hoa-Bằng.

HOA-KỲ với ĐỨC

Kiểm duyệt bỏ

Theo như bức điện-văn của ông Roosevelt, Tổng-thống Hoa-kỳ, mà đài vô-tuyến-điện ở Hoa-thịnh-Đốn báo cho ta biết ngày 22 juillet, thì Tổng-thống đã yêu-cầu hai viện truần y bản dự luật giữ lại các quân trừ-bị đến thời-kỳ giải ngũ, đều phải ở lại dước cờ, không cho về vội. Tổng-thống đã tha-thiết tuyên bố : « *Tình hình quốc-tế bây giờ nghiêm trọng hơn trước đây một năm nhiều, nghiêm-trọng đến nỗi ai am hiểu tình-thế cũng phải nghĩ rằng cần phải giữ ở trong nước một lực-lượng binh-bị mạnh nhất hoàn-cầu. Nếu không giữ lại được những lính hiện tại ngũ thì Hoa-kỳ sẽ bị nguy đến nơi mà trong hai tháng nữa, quân đội sẽ bị thiếu thốn nhiều .. Một việc rất quan trọng ấy, nghị-viện giữ trách nhiệm hoàn toàn. Vậy nghị-viện cần phải nghĩ kỹ mà truần y ngay, nếu nghị-viện không nghe mà cứ cho giải ngũ và không chịu huấn-luyện một số lớn quân đội thì sau này việc xảy ra sao, nghị-viện sẽ bị trách cứ đó... »*

Ta hãy gắng chờ xem nghị-viện Hoa-kỳ sẽ hành-động ra sao.

Kiểm duyệt bỏ

Về phần Hoa kỳ thì thế, còn về Đức thì sao ?

Đức có chịu nhượng bộ Hoa-kỳ ?

Trong gần hai năm trời nay, Hoa-kỳ cực lực khiêu khích Đức bằng cách tận lực giúp Anh. Thế mà Đức vẫn « nề » chưa « nỡ » phản-đối kịch-liệt,

Kiểm duyệt bỏ

Trong hơn tháng nay, cuộc chiến-tranh Nga Đức vô cùng kịch-liệt, chắc các bạn đọc báo hằng ngày đã biết rõ lực lượng không quân và lục quân Đức mãnh-liệt ra sao rồi. Sự thắng bại của hai tay địch thủ ấy ta chưa biết ;

Kiểm duyệt bỏ

Theo tin vô-tuyến ở Tokio ngày 22 juillet, thì nội-các mới thành-lập của Nhật đã tuyên-bố với các sứ-thần Đức Ý : Nhật vẫn theo đuổi tinh-thần và mục-đích của hợp ước Tam-cường.

Kiểm duyệt bỏ

Lại cũng theo tin « Vô tuyến » ; thì ở Nam Mỹ, Chính-phủ nước Bolovie vừa hạ lệnh trục xuất hết thầy các kiều dân Đức và mời lãnh-sự Đức ra khỏi đất nước ngay.

Kiểm duyệt bỏ

KHẢI-SINH

Cải-chính

Bài « Trịnh hoài-Đức » (số 7, trang 12, 13) : 1725-1825, sửa là 1764-1825 ; « dốc kỳ sở », sửa là « *đắc* kỳ sở » ; « Chư tăng.. » sửa là « *Thư tăng..* » ; « Cấn-trai thi tận », sửa là « Cấn-trai thi *tập* ».

T. T. số 7, trang 14, cột 1 (Tin tức) : « ..kết liễu với Nga-sô-Việt », sửa là « ..kết-*liên* với.. » ; cột 2 (cùng bài trên) : « Tự-pháp tổng-trưởng », sửa là « Tư-pháp tổng-trưởng ».

TRƯƠNG VĨNH-KÝ, NHÀ BÁC-HỌC VIỆT-NAM

LÊ-THANH

CUỐN sổ bình-sinh của Trương-vĩnh-Ký mở đầu vào năm thứ mười bảy triều Minh-mệnh (1), cách đây đã hơn một thế-kỷ. Sinh quán tiên-sinh ở tỉnh Vĩnh-long, huyện Tân-minh, tổng Minh-lý, làng Vĩnh-thanh, Cái-mong.

Trương chánh-Thi, thân-phụ tiên-sinh, làm quan võ phò nhà Nguyễn trong những ngày buồn-thảm nhất của lịch-sử.

Trương-Vĩnh đứng thứ ba, người đầu, một chị gái mất từ khi còn ít tuổi, người thứ hai, Trương chánh-Sử cũng là một người thông-minh, học rộng sau này làm quan đến chức Đốc-phủ-sứ.

Khi Trương-Vĩnh mới hai tuổi, thân-sinh theo mệnh lệnh triều-đình, lãnh binh đi đóng ở Nam-vang, lúc bấy giờ là một nơi nước độc ma thiêng. Lên cung chức chưa được bao lâu thì thụ bệnh từ trần ở đấy.

Cảnh nhà bi thương, sự dưỡng dục con trẻ ở tay một sương-phụ, hiệu là Nguyễn-thị-Châu.

Năm lên 5 tuổi, Trương Vĩnh-Ký bắt đầu học chữ nho với cụ giáo tên là Học. Tuy vừa thông minh vừa ham học, Trương-sinh cũng không theo được bao lâu cái duyên bút nghiên với thầy để bước lến con đường hoạn lộ bằng khoa-cử

Trương-sinh được từ mẫu giao cho một linh-mục người Nam tục danh là Cụ Tam, một người mà hơn chục năm về trước, khi Quốc-triều đang nghiêm cấm đạo Gia-tô, đã được Võ-quan Trương Chánh-Thi che chở để thoát thân trong những ngày hoạn nạn. Trương Vĩnh-Ký bắt đầu học chữ quốc-ngữ (1845). Đáng lẽ cậu học sinh họ Trương phải được hưởng tất cả cái phần hương hỏa về thông minh và hiếu học của Cụ Tâm sau này, nhưng theo cụ chưa được bao lâu, cụ đã mất để giả lại người sương-phụ yếu ớt cậu học-sinh mới lên chín tuổi.

Biết rằng dù mình có tận tâm với sự giáo dục của con đến đâu cũng không được mười phần chu-đáo, người liền cho con theo học một nhà truyền giáo người Pháp tục gọi là Cố Long mới đến đóng ở Cái-mong. (2)

Ngay từ buổi đầu, nhận được khiếu thông minh xuất chúng của Trương Vĩnh-Ký, cố Long không những dạy chữ quốc-ngữ, lại còn bắt đầu dậy chữ la-tinh nữa.

Nhưng hình như giời đã định sẵn rằng một người đã có trí thông minh hơn người thì không được ở yên một chỗ mà học tập.

Trong nước, sự tàn sát những người có đạo Gia-tô lại nổi lên một cách tàn-nhẫn hơn. Cố Long, với năm ba người tùy tòng, trong số có cả Trương vĩnh-Ký, phải tìm kế thoát thân. Có khi phải đội lốt nhà tu-hành, có lúc mặc y-phục đám cưới, rồi nào dù, nào võng, nào nghi lễ, cứ thế mà qua hết rừng nọ đến nui kia (3). Hễ ở yen được một chỗ trong ít lâu thì Cố Long lại đem sách la-tinh ra dạy. Vừa học, vừa chạy, vừa lo cho cái tính-mệnh của mình luôn luôn phơi trước sự tàn sát của người, của thu dư và tật bệnh, thế mà Trương Vĩnh học thông được chữ la tinh và vài thứ tiếng ngoại quốc khác nữa. Sức học ấy có thể làm ngạc nhiên bất cứ một nhà giáo-dục nào.

Năm Trương-Vĩnh 11 tuổi, Cố Long nghĩ đến việc tìm cho người học sinh quí-mến của cụ một nơi yên ổn để học hành.

Trường Pinhalu ở Cao Mên đã được nhận cậu học sinh, sau này sẽ làm vinh dự cho cả trường ấy.

Trương-sinh được tiếp xúc với học-sinh nhiều nước; một dịp để cho Trương-Vĩnh học qua mấy thứ tiếng nữa: Xiêm, Diên-điện, Tàu, Lào, Khmer, do mấy bạn học sinh chỉ-bảo.

Cái xu hướng về từ ngữ học của Trương-sinh có lẽ phat nguyên từ đấy.

Năm 1851, nhà trường Pinhalu được tuyển ba học-sinh xuất sắc nhất cho sang học tại một trường đạo lớn ở Pinang.

Trương-Vĩnh và hai bạn theo Cố Long đi về kinh đô Cao-mên; vua Cao-mên cấp cho một đôi voi, quân lính đi hộ vệ, và các đồ hành-lý.

Sau mười ngày qua rừng, núi, sông, ngòi, đôi voi cứ đứng dần ra đấy không chịu đi; đánh đập chúng nó, chúng nó chạy thẳng vào rừng đem theo tất cả hành lý. Thầy trò lúc bấy giờ giữa nơi rừng rậm, không nơi trú ẩn, không đồ ăn, nếu không may mắn gặp được mấy nhà tu-hành bản-xứ và sau này mấy vị linh mục người âu, thì sự gian nan còn ai thể tưởng tượng được (4)

Đành phải đi đường Saigon. Vì việc đi lâu, Trương-Vĩnh không được ghé qua Vĩnh-thành thăm mẹ và anh phải mời lên Thị Nghè để được gặp mặt.

Mẹ con trò truyện không được hai tiếng đồng hồ, rồi lại phải rút áo ra đi.

Ròng rã ba tháng lưu lạc trong rừng, lênh đênh trên mặt biển, sau khi vượt bao nhiêu hiểm trở, thầy trò đến Pinang.

Trương-sinh theo học trường này từ năm 1852 đến năm 1858, — mười lăm đến hai mươi mốt tuổi — bắt đầu học chữ hy-lạp, học lên bực cao chữ la-tinh, giựt được giải nhất về một cuộc thi văn-chương do một vị quan cai-trị Anh đã đặt ra để thưởng học-sinh xuất-sắc nhất trong trường.

Cũng ở Pinang, Trương-sinh bắt đầu học chữ pháp và một cách kỳ-dị, đáng kể ra để làm gương cho học-sinh sau này:

Một hôm, Trương-sinh cùng bạn dạo chơi trong vườn của nhà trường, dưới sự hướng-dẫn của thầy giáo, Trương-sinh nhặt được trên lối đi một tờ giấy có chữ pháp viết bằng tay. Trương-sinh chú ý và lay làm lạ khi nhận rằng thứ chữ ấy gần giống chữ la-tinh; bèn đem dịch phỏng ra tiếng la-tinh: đó là một cái thư gửi cho một vị giáo-sư trong trường. Trương-sinh đưa cái thư ấy và bản dịch cho thầy giáo làm cho thầy rất ngạc nhiên, tìm cho Trương-sinh ít sách-vở, một cuốn ngữ-phạm và giúp Trương-sinh trong sự học chữ pháp.

Cũng như thời-kỳ ấy, nhờ có những bạn bè tứ xứ quây-quần trong trường và những tờ báo lượm được đây đó, Trương-sinh học thêm tiếng Anh, Nhật, Ấn-độ.

Sau sáu năm học, ở trường Pinang ra, Trương-sinh phân-vân; trở về để tìm một nghề tự-do thì không đành, mà đem toàn thân và trí-não để phụng-sự đạo giáo thì chính tâm mình không thấy xu-hướng về đó! Cái tính thẳng của Trương-sinh bắt Trương-sinh không được dối mình và dối người, chẳng thà trở về làm bất cứ một nghề gì còn hơn làm một thầy tu không thành-thực.

Còn đang phân-vân trên con đường hai ngả thì nhận được tin ở nhà từ-mẫu qua đời, Trương-sinh nhất quyết trở về cố-hương (5).

Ở nhà ít lâu, năm 22 tuổi, vào giúp việc cố Hóa, là chỗ thầy trò cũ ở Cái-nhum. Tiên-sinh dạy chữ pháp và la-tinh, trí định tìm cái vui trong sự an-nhàn của một nhà triết-học.

Trí ông là thế, nhưng « *đâu phải là ý trời* » như ông thường nói. Ông chưa ra đời, có nhẽ nào đã quay lưng lại được với đời.

Năm Tự-đức thứ 5, 1852, nước Pháp cho binh-thuyền sang nước Nam. Sau khi lấy được thành Gia-định (Saigon), ông Jauréguiberry coi đạo thủy-quân, nhờ vị Giám-mục ở Saigon tìm cho một người thông-thạo cả hai thứ tiếng Pháp Nam để tiện việc điều-đình của hai nước. Người ấy không ai hơn là Trương-tiên-sinh vậy. Tuy đó là một việc trái ý định của mình, tiên-sinh cũng phải nhận lời, chủ tâm làm cái

Cuốn sổ bình-sinh

« Cuốn sổ bình-sinh công với tội »

TRƯƠNG VĨNH-KÝ

Sách báo viết về Trương-vĩnh-Ký nhiều, nhưng trong những sách báo ấy hình như người ta chỉ cho chúng ta biết một ông Trương-vĩnh-ký, người có thiên tài xuất chúng, người theo đạo Gia-tô đã từng giúp Pháp, Nam trong buổi hai nước mới gặp nhau.

Theo ông Lê-Thanh, tác-giả bài dưới đây, thì từ trước đến nay ta chưa có một « bức hình » thật giống Trương-vĩnh-Ký.

Dựa trên những tài-liệu ông đã dày công tìm được, ông vừa soạn một tập nghiên-cứu và phê-bình gồm có 14 chương:

1.— Đây là chỗ an-nghỉ
2.— Cuốn sổ bình-sinh
3.— Sau tháng làm chính-trị với ông Toàn-quyền P. Bert
4.— (tiếp)
5.— Những ngày ở triều-đình Huế
6.— Một người Việt-nam tín-đồ của Nho-giáo
7.— Một nhà nho thức thời
8.— Sự-nghiệp văn-chương
9.— Nhà cổ học
10.— Chút ít khoa-học trong đời một nhà bác-học
11.— Nhà sư-phạm
12.— Nhà từ-ngữ-học
13.— Những ngày tàn
14.— Kết luận

Trong khi chờ cuốn sách ấy xuất bản, ông đem hiến độc-giả Tri-Tân một trong 14 chương ấy.

việc một ngày vài giờ xuống tầu làm thông-ngôn.

Tiếp đấy, nước Pháp đánh Chí-hòa, lấy Mỹ-tho. Các quan ta nổi giận, lại trở lại hành-hạ những người có đạo Gia-tô ở trong nước. Một ngày âm-u nó bắt Trương-tiên-sinh không được đem con mắt một nhà hiền-triết ra mà nhìn đời, phải hoạt-động để đem sự yên-ổn về cho nhà, cho nước.

Tiên-sinh bắt đầu cái nghề chính-trị từ bấy giờ.

Từ một viên thông-ngôn, nhờ sự khéo léo và trí quả-quyết, tiên-sinh đã góp vào mình phận-sự một nhà ngoại-giao : Làm thế nào cho người Pháp hiểu mình, để sự trừng-trị bằng những khí-giới tối-tân đỡ tàn-khốc, làm thế nào cho mấy nhà nho ta bỏ được cái óc vừa thẳng vừa cứng một cách khổ tâm, để có thể nhìn thẳng vào một sự thực đau-đớn : sự hèn-yếu của mình trước sự văn minh của người.

1862.

Nước Nam đã mất cả ba tỉnh phía Đông ; nước Pháp muốn cho nước ta điều-đình hòa-ước. Trương tiên sinh được đi ra Đà-nẵng cho các quan ta hay rằng nước Pháp cho một thời hạn là ba ngày để suy nghĩ và định đoạt về sự chiến hay hòa.

Công-việc tạm yên, Vua Tự-đức phái một đoàn sứ-giả gồm có Phan thanh-Giản, chánh sứ, Phạm phú Thứ, phó sứ, Nguyễn khắc-Đản, bồi sứ, Trương vĩnh Ký, sư bộ trùng-dịch... sang Pháp điều-đình hòa-ước chính-thức với hoàng-đế Napoléon III, định chuộc lấy ba tỉnh phía Đông trong Nam-kỳ.

Phái bộ từ giã Saigon ngày 4--1863 qua Hạ-châu, Sarcel e, Aden, Suez, Bể trung-hải. Sau hai tháng bảy ngày, đến Marseilles. Nghỉ ở đó hai ngày, rồi lên Paris, ngụ ở nhà sứ-quán. Mãi đến ngày 5-11 phái-bộ mới được vua Napoléon tiếp-kiến trong điện Tuileries. Phan thanh-Giản đọc diễn-văn, Trương vĩnh-Ký dịch một cách chu-đáo. Cả trào Đại-Pháp rất khâm phục cả phái-bộ nước ta. [6]

Việc nước đã trọn, cùng Phan thanh-Giản, Trương tiên-sinh thăm Rouen, Havres, Lorient, Tours, Lyon, Bordeaux, du-lịch Bồ-đào-nha thăm Alicante, Barcelonne, Madrid, từ đó tiên-sinh qua Ý thăm thành Rome, Gênes, Florence, được vào bệ kiến đức Giáo-hoàng.

Chánh phó sứ xuống tàu về trước sẽ đợi, Trương vĩnh-Ký và anh là Trương chánh-Sử đi xe lửa đến Alexandrie rồi đi tàu về Madrid, lại trở lại thành Rome, xuống tàu đi Aden để cùng sứ-bộ về nước.

Ở Rome ra đi được vài trăm dặm thì tàu gặp bão lớn, trôi dạt vào Naples. Khi gần cập bến, trên tàu bắn súng chào, chẳng may súng phá hậu, đồ đạc vỡ, người bị thương, tàu hư-hỏng rất nhiều.

Người đau phải lên nằm nhà thương ; tàu đậu lại để sửa chữa. Trương tiên-sinh có vào thăm chủ tỉnh, được tiếp-đãi rất ân-cần, một dịp để tiên-sinh xem xét tường tận thành-phố này.

Sau một tháng, tàu lại nhổ neo qua Grèce, Egypte.

Từ Egypte, tiên-sinh phải lên một chiếc tàu pháp, trở về Paris, xin Pháp-đình cấp tàu cho về nước.

Tàu các quan chánh phó sứ đợi ở Aden đã bốn tháng, nay Trương tiên-sinh và anh mới về đến nơi. Sự mừng-rỡ của đôi bên tưởng không thể nào tả được.

Từ Aden, qua Hồng-hải, Ấn-độ dương, về Saigon. Đã vào tháng Mars 1864 (tháng hai năm Giáp-tí, Tự-đức thứ 17).

Đến đây, công việc triều-đình phó-thác đã có thể cho là xong. Trương tiên-sinh lại trở lại với nghề cũ, nghề có giá-trị về mặt sinh-nhai hơn về mặt ích quốc lợi dân.

Vì nhận rằng muốn chóng kịp người, phải có một phương-tiện truyền-bá những tư-tưởng mới, tiên-sinh xin phép lập tờ GIA-ĐỊNH BÁO, tờ báo quốc-văn đầu tiên của nước ta.

Năm Tự-đức thứ 23 (1870), nước Tây-ban-nha sai sứ sang điều-đình thương-ước với ta. Trương tiên-sinh được triệu vào Kinh làm thông-ngôn. Việc Triều đình xong, đại-sứ Tây qua thăm Trung-hoa ; Trương tiên-sinh nhân dịp, cũng đi, mục-đích du-lịch một xứ mà một người như tiên-sinh không được bỏ qua. Tiên-sinh thăm hầu hết những tỉnh lớn miền Nam Trung-hoa. Lên đến Hương-Cảng, sứ Tây theo đường đi Yên-kinh, tiên-sinh một mình về nước.

Trở về Nam-kỳ, tiên-sinh lại tiếp-tục công-việc làm báo.

Năm 1872 (Tự-đức thứ 25), tiên-sinh được sung chức đốc học trường *Sư-Phạm* mở tại Saigon. Năm sau, Chính-phủ cử tiên-sinh làm phó nghị-trưởng thành phố Chợ-lớn.

Cũng năm ấy, dưới quyền giám-đốc của ông LURO, trường *Hậu-bổ* mở cửa, tiên-sinh lĩnh chức giáo-sư những tiếng Viễn-đông.

Năm 1875, tiên-sinh thay ông Luro lập lại trường Hậu-bổ.

Năm 1882, tiên-sinh xin từ chức, về nhà nghỉ-ngơi, tìm thú vui trong sự trước-tác.

Chính-phủ ép lòng phải chiều cho tiên-sinh về nghỉ tại Gia-định. Tiên-sinh bắt đầu sửa-sang lại ngôi nhà mua đã từ hơn mười năm về trước, nhưng vì bận-rộn

Xem tiếp trang 16

TỦY HỨNG

Bình-minh trên núi

Mộng tàn, bật tỉnh khách tha phương,
Chim sớm, ngoài hiên, họa tiếng sương.
Dưới vòm trời, nhan bay thơ-thớt,
Dủ khách lên cao đón ánh dương.

Mặt thung như biển nhô quần đảo
San-sát màu xanh, sắc trắng xen.
Bình-minh dưới bóng, chia đôi cảnh :
Xa sáng, gần in nét nhá-nhem...

Chân trời vẽ bức tranh lang-lổ —
Dưới điểm màu lam, trên trắng mở,
Giữa phơ vàng nhợt, hồng phơn-phớt,
Trước bóng non xa, treo lửng-lơ...

Mảnh nắng chia đôi, ánh bủa xa :
Nửa lay thung-lũng nửa in nhà.
Ngước ngắm non đồng xanh phủ ngọn,
Sùn-soằn, lởm-chởm tựa rêu pha.

Sau non, lấp-ló mảnh kim ô
Hậm hực cây cao chắn nhấp nhô,
Núp bức bình-phong bằng kinh vẫy,
Như cô dâu mới đợi ai phò.

Một mảnh bạch vân làm lúp mặt,
Mây xanh làm áo khoác đôi bên.
Dần dần xóa cảnh, thay trang-điểm :
Một sắc mông-lung đẫm nét nghiêm !

Phút này nghiêm-trọng khắp non xanh :
Cây cỏ oai-phong đứng lặng thinh
Như đương chầu chực, mong, chờ đón
Một tướng cầm đầu mấy vạn binh !

Tia vàng, xanh, đỏ bắn qua non :
Kìa, ngọn hỏa-sơn lửa chực đùn !
Trước đóa mây đen, nền trắng sáng,
Tung luồng đỏ gắt : lửa pha-sơn !

Nèm xuống chân mây những ráng vàng
Trải trên núi biếc rực hào-quang.
Dưới làn chiều-khí tưng bừng sắc,
Nước hát trong khe đá ngỗn-ngang...

SONG - CỐI

Tam-Đảo, 10 Juillet 1938

Thuyền ai đậu bến Cô - tô?...

(Nước Ngô bị diệt-vong. Mấy nước năm hồ đã lồng khung cho con thuyền Tây-Thi cùng Phạm-Lãi. Cung Quán-khuê cỏ hoang, đài Cô-tô trăng lạnh, cả một thời xưa ca-vũ chỉ còn dư-âm trong tiếng chuông sớm mái Hàn-san. .)

Trên đài Cô-tô bóng trăng soi,
Dưới đài Cô-tô dòng nước trôi.
Trăng lặn non Tây còn lúc mọc,
Nước về Đông cứ lạnh lùng xuôi...

Cung xưa, tha thần lũ hươu nai !
Tây-tử năm hồ đã dạo chơi.
Xương ngọc, hồn hoa đâu chốn gửi ?
Thà như trinh-nữ : Hồ-khâu vùi.

Hồ-khâu, tầng núi, tháp lô-nhô,
Đêm vắng, đèn chong, tỏ ngọn chùa.
Muốn đốt hương thơm nương cửa Phật,
Mà đem thoa xuyến vứt cho sư !

Thuyền dạo hồ Đông muôn dặm chơi,
Quạ kêu, trăng lặn, nước mờ khơi.
Hàn-san vẳng tiếng chuông chùa sớm,
Cây bến, đèn ngư não mộng người !

J. LEIBA

(Dịch thơ cổ)

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc tế

Một chiếc tàu ngầm Đức chạm phải thủy lôi, bị đắm về phía tây-bắc đảo đánh cá của Nga.

Ở Hoa-kỳ, 60% dân thành-phố hoan-nghênh Tổng-thống Roosevelt đã đem quân sang đóng ở đảo Islande; 20% không đồng-ý. Còn 20% không ngỏ ý ra sao.

Tòa lãnh-sự Hoa-kỳ ở miền Bắc nước Pháp mới đóng cửa. Thế là các tòa lãnh-sự Hoa-kỳ tại Đức và các nơi Đức chiếm đã đóng cửa hết: 22 lãnh-sự-quán với 234 nhân viên.

Nội-các Cận-Vệ ở Nhật-Bản đã từ-chức. Một nội-các khác do Cận-Vệ tổ chức đã thành-lập.

Hàng vạn dân Nga trốn trong rừng phía tây Goradichtch bị quân Đức giết hết, trong lúc tiến-công.

Các công-sở Nga ở Mạc-tư-khoa đã rời đến thành Kazan cách 700 cây số, chỉ còn bộ ngoại-giao ở lại Mac-tư-khoa.

Chính phủ Anh công-bố rất sẵn lòng nhường một phần xứ Đông Phi chiếm được của Ý cho vua Georges nước Hy-lạp, để thưởng công nhà vua đã giúp đồng-minh.

Theo tin Đức, xứ Syrie sẽ coi là đất địch của Đức.

Đại-tướng Weygand được cử làm Toàn-Quyền xứ Algérie và vẫn giữ chức ủy-viên Chính-phủ Pháp ở Bắc Phi.

Tổng-thống Roosevelt cử ông Harry Hopkins sang Luân-đôn để điều-tra xem Anh cần bao nhiêu chiến-cụ.

Ông Bergery Đại-Sứ Pháp ở Mạc-tư-khoa, đã cùng 43 Pháp-kiều, do đường Thổ-nhĩ-kỳ về Pháp.

Trong khi quân Đức chiếm được một thành-trì trên đường Léningrad có bắt làm tù-binh một đạo quân phụ nữ Nga.

Đông-Dương

Lính Lê-dương ở Lào đã làm lễ tuyên thệ.

Nhân dịp tuần-lễ Pháp-quốc hải-ngoại, Bác-sĩ Génin diễn-thuyết hồi 18h30 ngày 21 Juillet 1941 tại trường Đại-Học về công-cuộc y-tế của nước Pháp tại thuộc địa mà nhất là tại Đông Dương.

Tại Đức-hòa (Cholon), ba bữa 7, 8 9 Juillet 1941 đã hành hình 13 người can tội nghịch với việc quốc-phòng: Ng v Cong, Ng. v Duong, Phan v Tuoi, Nguyen v Ngoc dit Nay, Le v Mach, Le huu Long, Vo v Chang. Mai v Dai, Ng, v Do, Ngo v Dien, Tran v Khi, Tran van Sung, Le van Chi.

Quân Pháp Hội Nghị đã xử vụ 11 người can tội vào đảng Việt Nam Phục-Quốc Đồng-Minh Hội ở Lạng-sơn. Trong số 11 người bị cáo, có 1 người đã chết rồi. Còn thì bị kết án như sau này: Khổ sai chung thân: Đặng văn Quý, Chu viết Bắc (đều là linh khố xanh). 20 năm khổ sai 20 năm biệt xứ: Nông quý Dinh (linh khố xanh) 10 năm khổ sai 10 năm biệt xứ: Hoàng x. Trọng (lý trưởng), Ngọc quỳnh Chấn và Chu văn Tri (linh khố xanh), Hoàng văn Ngẫu (đội khố xanh) 8 năm khổ sai, 8 năm biệt xứ: Hoàng viết Nhân tức Hoàng lý Chương (phó lý). 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ: Lang văn Khúc (linh khố xanh) Chu văn Nhiêu (linh khố xanh).

Phan ngọc Hiên, Nguyễn văn Đạc, Đỗ v Xen, Đỗ văn Ben, Võ v Dinh, Ng v Cu, Ng v Can, Ng kinh Luan dit Ut, Quach v Pham, Lê v Huyên dit Khuyên, can tội ám sát M. Olivier, người gác đèn « pha » tại cù lao Obi (Camau) đã chịu tử hình tại Camau hôm 8 juillet 1941.

Mấy lời thanh-minh

Có nhiều bạn lầm tưởng tờ *Tri Tân* đây rập theo tờ *Văn-Hóa* (ra được một số rồi thôi), vậy xin thanh-minh rằng: tờ T. T hoàn toàn khác hẳn và không dính liu gì đến việc làm của nhân viên ở tòa báo Văn Hóa

Tri-Tân Tạp-Chí

Thống chế PÉTAIN đã nói:

« Trước hết ta yêu cầu Quốc-« dân tham-dự vào một cuộc « phục-hưng về tri-thức và tinh-« thần. Quốc-dân hãy thực-hiện « công cuộc đó. Ta thề rằng một « ngày kia, Quốc-dân sẽ thấy « một nước Pháp mới xuất hiện « do sự cần-lao của Quốc-dân »

Trương vĩnh-Ký

Tiếp theo trang 14

việc nhà, việc nước, chưa có thì-giờ sửa-sang cho vừa ý.

Tiên-sinh đổi bản tòa nhà cũ thành một biệt-thự (7).

Cổng ngoài, trên đề bốn chữ: «TRƯƠNG ẨN-SĨ LƯ».

Ở biệt thự ấy tiên-sinh bắt đầu sống một cuộc đời phẳng-lặng, và ta tưởng cuộc đời này cứ theo giòng trôi cho đến ngày cuối cùng...

LÊ THANH

(1) 6 Décembre 1837.

(2) Theo một cuốn tiểu-sử Trương-vĩnh-ký chép bằng thơ thì, một hôm, cụ Tám đưa Trương-Vĩnh đi chơi ở miền Bãi-Xan « trông những cảnh mây bạc bay tro núi Hằng » mà trạnh niềm nhớ cảnh gia hương, mới xin với cụ về thăm nhà... rồi ra đi, có lẽ cái cảnh biệt ly ấy đã khiến từ mẫu Trương Vĩnh nghĩ đến việc xin con về theo học Cố-Long, ở Cái-mong.

(3) Tiểu sử Trương-vĩnh-Ký (tài-liệu Gia-đình).

(4) Tiểu Sử Trương Vĩnh Ký bằng thơ. (Tài liệu Gia đình)

(5) Theo BOUCHOT: P. Trương Vĩnh Ký, Erudit Cochinchinois. Trong mớ tài liệu của Gia đình, về việc này có nhiều điều trái ngược. Theo một cuốn sách, ông Trương-vĩnh-Tống, thứ nam Trương vĩnh-Ký, thì Trương vĩnh-Ký ở Pinang về không có một nhất-định về tương lai, cũng không biết gì về cảnh gia đình đất nước. Mãi khi về đến Cần-Vọt hỏi mới biết là "binh thuyền nước Pháp đã sang khiêu hấn nước ta mà Cửa Hàn (Đà nẵng) nước Nam đã nằm trong tay người Pháp. Than ôi, lìa nhà chưa mấy mà cuộc đời thay đổi chẳng khác chi trong một cuộc cờ,.

Sau về Gia-định, qua Cái-nhum mới biết từ-thân đã qua đời.

(6) Theo một vai cuốn sách, thì ở điện Tuileries, Aubaret đã dịch bản diễn-văn của Phan-thanh-Giản, chứ không phải Trương vĩnh-ký.

(7) Trong nhà thờ Trương vĩnh Ký ở Chợ quán, nay còn mấy bức ảnh về biệt-thự này.

Nghề hàng-không có ảnh-hưởng đến cuộc nhân - sinh và văn - chương thế nào ?

CHIẾN-sĩ Alfred de Vigny, một mình một ngựa, rong-ruổi trên các chiến-trường, tung-hoành ngoài nội, sau bao cuộc đông trình, tây phạt, trở nên một nhà thi-sĩ đại-tài. Cái tài của thi-nhân ấy một phần to há chẳng phải nhờ con thiên-lý-mã đã đưa người tới chốn non xanh, nước biếc, thành-quách nguy-nga, lâu-đài sán lạn để mắt thấy, tai nghe những điều cần biết ?

Hơn con ngựa của chiến-sĩ ấy, phi-cơ ngày nay đã tạo lên biết bao văn-sĩ trong giới hàng-không.

Không-trung bao-la bát-ngát, trời xanh, sao sáng, mây trong, trăng tỏ, khí-tiết khi thăng, khi giáng, lại thêm dưới mặt địa-cầu bao miền tuyết phủ, bao cánh sa-mạc, bao rừng rậm khó vào, bao quần-đảo xa xa, những cảnh đẹp của non sông, những xảo-diệu của thợ tạo, nếu không có các nhà phi-hành mục-kích và khám-phá, rồi đem văn-chương ra phô-diễn, thì công-chúng biết đâu được những cái mới lạ của bàn-cầu xưa kia vẫn im-lặng trong thời-gian ?

Lúc mới phát-minh ra phi-cơ, danh-từ dùng trong nghề hàng-không còn thiếu-thốn, nên nhà phi-hành chưa biểu-diễn được tư-tưởng mình một cách xác-đáng. Nhưng, về sau, những tác-phẩm của nghề hàng-không càng ngày càng nhiều, mà trong số ấy, phần nhiều những thiên kiệt-tác là do các phi-công hay các tay chuyên môn nghề bay viết ra.

Trong các giới, có nhẽ hàng-không chóng tạo nên được nhiều văn-sĩ hơn cả. Xem ngay trong nghề hàng-hải có đã lâu đời, thế mà văn-nhân rất hiếm, tác-phẩm không nhiều !

Thợ mộc, thợ nề, thợ cày, nhờ nghề mình trực-tiếp với đời, nhờ khí-cụ mình trực-tiếp với các nguyên-liệu, dần dần có thể biết được nhiều điều mới lạ.

Một phi-hành-gia tự giam mình vào một chiếc phi-cơ, lơ-lửng trên không-trung, nay đây, mai đó, mà muốn phát-biểu những ý-kiến xác-đáng hợp với tính-tình, với trình-độ loài người, với hiện-tình xã-hội hiện-thời, kể cũng thực khó ! Hạng nhân-tài này rất hiếm. Nhưng, một khi đọc sách của họ viết ra, ta sẽ không ngờ đó là một thiên tuyệt-tác của một phi công ! Ấy cũng như đọc sách của Descartes, ai để ý đến nhà văn-hào đó nguyên là một sĩ-quan ? đọc sách của Spinoza, còn ai nghĩ đến văn-sĩ đó vốn là một tên thợ mài gương, rũa kính ?

Những phi-công văn-sĩ đều do ảnh-hưởng của vũ-trụ tạo nên.

Cũng như dân miền băng-dương đến các nước văn-minh, trở nên những người lanh-lợi, cũng như một người đồng-bằng lên miền rừng núi, chung-đụng với dân thổ-trước, sẽ theo tập-quán, ngôn-ngữ, phong-tục người miền sơn-cước, những thiếu-niên một khi đã vào nghề hàng-không sẽ thay đổi tính-tình, khi vui, lúc buồn, khi dũng-mãnh, lúc can-trường, để chống với bao sức địch vây quanh mình họ.

Đêm đến, phi-cơ lạc lối, hoa-tiêu một mình dò đường trong vùng không-trung mù-mịt, tối-tăm. Ngoài ánh sáng ngọn đèn máy, phi-công lấy các ngôi sao làm đích, rẽ không-khí nặng trĩu trên vai, xông-pha sương gió, không quản những nỗi nguy-hiểm gian-lao.

Sự liên-lạc với vũ-trụ thay-đổi bản-chất phi-công. Phi-công bị ảnh-hưởng của vũ-trụ, dần dần thấy mình đổi mới, thấy mình dũng-cảm, thấy mình có một khối óc tinh-hoa, cặp mắt sáng suốt.

Phi-cơ mỗi ngày sản-xuất một nhiều. Mỗi lần phát-minh một cơ-khí mới lại làm cho công-chúng ngạc-nhiên, nhưng ít ai để ý đến sự phát-minh ấy sẽ có ảnh-hưởng đến tinh-thần cá-nhân hay xã-hội.

Hàng-không thay đổi sự quan-sát của công-chúng về vũ-trụ và quốc-tế, lại làm cho cuộc xã-giao thêm phần êm-đẹp.

Trong khi phi-công bay đến một phương trời mù-mịt xa-xôi, người vợ ở nhà, buồng không chờ-đợi, chịu bao nỗi đắng cay, chua xót ; song không đến nỗi hưu-quạnh bằng người vợ chúa tàu lênh-đênh mặt bể, xa nhà dằng dẳng bao tháng mới về, khiến người hiền-phụ lắm khi phải thốt theo cổ-nhân những lời oán-thán : « *Hối giao phu tế mịch phong hầu* ! » Vợ người hoa-tiêu không phải nóng lòng mong nhớ chồng ở phương xa. Cuộc

Xem tiếp trang 18

CHUYỆN THƠ

Hồn thơ lạc mất !

THi-sĩ họ Ngô và nữ-sĩ họ Đỗ là đôi bạn thơ và tình giao-du cũng thân mật. Hai người thường cùng nhau ngâm để xướng họa, nhân đem tên hiệu của hai người, mỗi tên trích lấy một chữ ghép lại mà gọi là « *Mỗ mỗ ngâm-đàn* ». Một dạo, nữ-sĩ nhân bận công việc nhà, bỏ vắng đàn thơ. Ban đầu N.Đ còn viết thư trách, nhưng sau chính Ngô cũng lại bận nhiều việc, thành ra chẳng ai trách ai nữa.

Bằng đi vài tháng, một hôm, Ngô tiếp được bạn gửi đến một bài thơ, đòi Ngô phải họa. Bài thơ đầu đề là « *Xuân lạnh* », như sau :

Bạn có hay chăng nỗi tủi hờn,
Một đêm xuân lạnh, tựa câu-lơn ?
Thơ không kẻ họa, đàn long phím !
Cờ chẳng ai mời, vẽ cạn sơn !
Sương thả màn lam, ấy mải ngủ.
Liễu buông rèm biếc, gió đưa giờn.
Khôn toan đánh thức thần hoa dậy,
Đành gối song trăng, mộng chập chờn...

Bài thơ này hay mà gieo vào cái vận rất khó. Họa được cho có cái giá-trị tương đương không phải là sự dễ ; huống Ngô lại đương vào lúc bận, không thì-giờ đâu ngồi mà họa được ! Ngô đã toan viết thư hàng bạn, nhưng sau không chịu thế, lại làm bài thơ sau này để trả lời :

Từ phen bạn mải việc gia-đình,
Nỡ bỏ ngâm đàn vắng tiếng oanh !
Để một mình tôi riêng lẻ lạnh,
Mà buồn vây bọc lốn chung quanh !

Rồi tôi thi-hứng nhạt dần đi,
Ngâm-vịnh cùng ai thú vị gì ?
Quyết đập cây đàn thôi chẳng gảy,
Bá-Nha khi đã mất Chung-Kỳ.

Ngày nay bạn lại trở về ư ?
Xướng họa tìm ôn những thú xưa.
Khốn nỗi hồn thơ tôi lạc mất,
Làm sao gọi nó được bây giờ ?

Bạn hãy khoan cho đến một ngày,
Hồn thơ tôi gọi được về đây,
Rồi vâng bạn xướng tôi xin họa
Vận hiểm dù hơn những vận này.

Làm xong, Ngô sầm-lầm tự cười một mình : đã không họa nổi, lại còn nói cứng !

Trúc-Khê

Nghề hàng không

Tiếp theo trang 17

hành-trình như trong gang tấc, vợ chồng gặp nhau bất thường, đi, về không hạn, tính kiên-nhẫn và lòng ưa tĩnh sẽ nhường chỗ cho hoạt-động.

Nhờ có phi-cơ mà đường xa rút lại rất gần. Phi-cơ liên-lạc các dân-tộc, hợp-nhất hoàn-cầu. Nhờ thế, dân các đảo hoang-vu, các miền sa-mạc được chứng-kiến những công-cuộc tốt đẹp của loài người, được chia xẻ những kết quả mỹ-mãn của văn-minh thế-giới.

Về thế-kỷ thứ 18, ông Chénier phát-minh ra khoa-học, công-bố : « *Khoa-học sẽ ảnh-hưởng đến văn-chương nhiều lắm.* » Nay ta cũng nói : Nghề hàng-không càng tiến-bộ bao nhiêu, văn-chương càng chịu ảnh-hưởng bấy nhiêu ! Cái kết quả tốt đẹp thế nào, ta có thể đoán biết được.

Nhật-Nham

Việc dịch sử, sách

Tiếp theo trang 4

Triều Nguyễn, ngoài hai bộ *Khâm-định Việt-sử* và *Việt-sử tổng-vịnh* », còn mấy pho truyện-ký cũng thuộc loại lịch-sử như : *Đại-Nam Thật-lục*, *Đại-nam Chính-biên liệt-truyện* và *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên*...

Đó, những sử sách xưa thường dùng làm tài liệu cho các nhà sử-học Pháp, Nam muốn khảo-cứu về lịch-sử Nam-việt từ trước đến giờ đại khái là thế đấy. Ấy là chưa kể những pho sử bằng chữ hán về lớp sau như bộ *Việt-sử tân ước* của ông Hoàng Đạo-Thành, *Việt-sử kinh* của ông Hoàng-Cao-Khải và *Trung-học Việt-sử toát-yếu* của ông, Ngô-Giáp-Đậu... Mấy pho sử này là của những nhà sử-học cận-kim, khi chép về các triều-đại trước, họ đều nhặt tài-liệu trong các bộ sử trên cả.

HOA-BẰNG

(1) Coi Tri-Tân số 6, trang 2.
(2) Người Phủ-lý, Đông-sơn, Thanh-hóa.
(3) Người làng Đông-ngạc (Vẽ), huyện Từ-liêm, Hà-đông.
(4) Người Chúc-lý, huyện Chương-đức.
(5) Có bản chép là « Đại-Việt thông-giám ». Bản khác lại viết là « Việt-giám thông khảo ».
(6) Người làng Mộ-trạch, tỉnh Hải-dương.
(7) Người Thanh-liêm, đỗ tiến-sĩ đời Lê-Hồng-Đức (1470-1497).
(8) Người làng Liễu-xuyên, huyện Đường-hào.
(9) Người Đông-sơn, Thanh-hóa.
(10) Người làng Tả Thanh - oai (Tó), Thanh-oai, Hà-đông.
(11) Người huyện Nông-cống, tỉnh Thanh-hóa.
(12) Người Diên-hà, Sơn-nam.
(13) Các tiểu-truyện trong bộ « Vịnh-sử » này đều do chư thần kinh-điển trong Tập-hiền viện phụng mệnh nhà vua, biên chép theo các sử cũ. Giản-hoặc có những chỗ trùng lời, tốt nghĩa, thì lại do Tùng-thiện công Miên-Thẩm và các Các-thần tham-khảo các sử sách Tàu mà hiện đính lại (theo mục « Phàm-lệ » trong Việt-sử tổng vịnh).

Đón coi : *Lạc - Vương chứ không phải Hùng-Vương của*
Nguyễn-văn-Tố

HÀ-NỘI XƯA VÀ . . . . NAY

Hà-nội bã mươi sáu phố phường,
Hàng gạo, hàng đường, hàng muối trắng tinh...

CÂU hát ấy chỉ cho ta biết Hà-nội là một tỉnh nhiều phố, nhiều phường và trong những phường, phố ấy đều có một thứ buôn riêng, đến nay vẫn còn tên, cũ mặc dầu trong phố không còn hoặc còn ít thứ hàng ấy. Thì như: Hàng Vải Thâm nay buôn quần áo cũ; Hàng Bút, nay buôn giấy bản, v. v.

Nếu ta sống lui lại năm, sáu mươi năm trước và hỏi lại chuyện các bậc cố lão, thì cố đô Thăng-Long (các nhà truyền giáo gọi là Kẻ chợ) của các triều trước khác hẳn với thành phố Hà-nội nay.

Tỉnh chia làm hai phần: Thành các quan ở và phía đông thành là phường phố..

Phường phố, vị-trí ở trong khoảng từ hồ Hoàn-kiếm đến bờ sông Nhị-hà.

Tiếng gọi là phố — giá gọi từng « khu » một thì đúng hơn, — nhưng ít nhà ngói, còn thì nhà lá làm lộn sộn, quang-cảnh giống như một cái làng to. Có nhà làm quay hướng ra các hồ, ao.

Thành các quan ở có tường cao bao sâu. Các phố có hàng rào và cửa chắn.

Một di-tích còn lại ngày nay, cổng ô ở phố Mới, thường gọi ô Quan-trưởng và tên chữ là Đông-hà môn.

Ngoài cái cổng này, các phố trông ra sông Nhị hà cũng có cổng như: ô Hàng Đậu, ô Hàng Mã, ô Hàng Mắm (còn gọi là ô Ưu-Nghĩa), ô Hàng Sũ; nhưng các cổng này đều phá đi cả.

Đêm đến, các phố đều không thông với nhau nữa, vì các cổng đóng. Cổng ấy xây chắn ngang phố, hai bên cổng có gián yết thị của quan Tổng đốc và quan Phòng-thành cấm dân sự về việc đi đêm. Những cổng trên có cánh gỗ rất to, có toang vuông hoặc tròn, nặng tới hai ba người khiêng; tối đóng rồi thì ít khi mở, chỉ trừ lúc có lệnh trên.

Hồi ấy khu các Hoa kiều ở là phố Hàng Ngang đẹp hơn cả, vì cổng xây gạch, có bao lơ, rất chắc chắn, lại có vòm canh để phu điếm đứng, cho nên muốn vào khu ấy rất khó-khăn.

Cổng ở Hàng Gai thật sơ sài: chỉ là một bức tường xây, có khoét cửa vuông chữ nhật như các nhà thường. Còn các phố nhỏ không có cổng gạch, chỉ có hàng rào gỗ hay tre, chòi canh lợp gianh hay lá, để phu điếm đứng tránh gió mưa.

Phố xá hồi ấy thế nào?

Trừ phố khách có lát đá tảng ở giữa lối đi, còn các phố khác đều là đường đất, bùn ngập đến mắt cá chân; lại thêm rác bẩn của các nhà và khách bộ hành vứt ra đường, không ai quét dọn! Mùa mưa, thật là lầy lội. Một vài phố có lối lát gạch ở giữa, nhưng chỉ có một hàng để đủ đi lúc giời mưa cho khỏi lấm chân thôi.

Hai bên vệ đường không có rãnh, cống chi cả. Nước mưa ứ, đọng lại, đến mùa viêm nhiệt, uế-khí xông lên rất bẩn thỉu. Cho nên trong phố thường hay có bệnh thời khí!

Còn nhà hàng phố thì ai làm nhà đều theo ý mình, không có phép-tắc kiểu mẫu: cái nhô ra, cái thụt-vào! Mỗi nhà đằng trước lại có mái hiên bằng lá, hay phên liếp, dưới dọn hàng, thành ra phố đã chật lại hẹp thêm. Một đôi khi có hỏa hoạn cháy từ ngoài cửa vào, chủ nhà chỉ còn cách chạy ra lối sau hoặc nhảy xuống ao, xuống hồ (vì trong phố có nhiều ao, hồ, như hồ Hàng Đào, hồ Hàng Bè v. v.) để tránh nạn. Ở một vài nhà cổ ngoài bục hàng ngày nay, ta hãy còn thấy, xây cái bể chứa nước để chữa cháy, vì mỗi gia-chủ phải tự-vệ lấy, chứ làm gì có sở cứu-hỏa của nhà nước như bây giờ!

Sự đi lại trong phố thật là phiền-phức, nhất là mỗi khi có quan quân chầy qua, thì hai bên phố phải tránh ra hết, có nhà phải đóng cửa lại. Nếu gặp buổi phiên chợ, thì thật là bí tắc: người chạy nhốn-nháo, giày séo lên nhau, không còn trật tự gì cả, chỉ lợi cho kẻ cắp thừa lúc ấy mà hoành hành.

Ở Hà-nội có phiên chợ, thường họp vào ngày rằm và mồng một. Gặp những hôm ấy các dân quê miền phụ-cận đều kéo vào tỉnh mua bán. Họ họp ngay giữa giời, ngoài hiên các phố. Những hàng cửi họp ở Hàng Đào, hàng nồi ở Hàng Đồng, hàng nón ở Hàng Nón. Toàn tỉnh là một cái chợ to, quang-cảnh ồn-ào, sự đi lại bị ngừng trệ! Sáng từ 7 giờ đến mãi quá trưa, từ bè phố đến ngoài đường, các hàng ngồi san-sát dài đến hơn hai cây số.

Ban ngày càng ồn-ào bao nhiêu, quang cảnh ban đêm lại càng bình-tĩnh bấy nhiêu: Cứ lặn mặt giời, các nhà đã đóng cửa im-ỉm. Ngoài phố, không có đèn. Những đêm không giăng, cư dân phải sống trong cảnh tối-tăm rùng-rợn. Ai đi đêm, phải mang đèn. Hồi ấy phải đi đêm là một sự bất đắc dĩ.

Tuy các cổng ô đã đóng chặt, nhưng các dân phố đi ngủ vẫn còn nơm-nớp sợ. Một bà cụ kể rằng: « Chập tối, dọn hàng xong là đi ngủ, nhà nào có tiền phải giấu kín hoặc chôn, hoặc đem gửi. Khi ngủ, thì lên gác lò (tức như gác sép), rút thang lên, cửa đóng thật chặt, ai gọi cũng không dám mở. Trong một gia-đình, kẻ ngủ, phải có người thức, cốt để phòng thủ trong những đêm trường hồi-hộp. Ngoài đường vắng tanh, không ai đi lại, trừ ra mấy bác phu điếm cầm canh rời-rạc, đập gậy chan-chát. Đến độ ba, bốn giờ sáng, các bác phu đã đập cửa từng nhà, gọi: « Hai bên hàng

phố dậy mà trông lấy nhà! » Vì giờ ấy, họ bắt đầu đi ngủ cho đến sáng. Mà cũng giờ ấy các chú chích (kẻ trộm) bắt đầu hoành-hành.

Nhà nước tuy có đặt quan Phòng thành, nhưng việc trị-an không có phương-pháp, chỉ trông vào mấy anh phu điếm canh-gác vì được dân phố đãi tiền... » (2)

Sự sống « khủng-bố » ấy làm cho dân Hà-nội — nhất là mấy năm về cuối đời Tự-đức (1881, 1882, 1883), ai ai cũng phải lo sợ. Thêm vào, lại có những tin bên ngoài phao đồn: nào Cờ đen, nào Cờ vàng, nào Tàu ô... Nhiều nhà giàu phải bỏ thành-thị mà về quê ẩn-náu.

Nếu được nhìn lại bức tranh trên, chúng ta sẽ lấy làm lạ lùng mà thấy quang-cảnh Hà nội ngày nay: Hồ Gươm trong vắt, bóng liễu thướt-tha, đèn điện sáng đường phố rộng-rãi, sạch-sẽ, đi lại được dễ-dàng, buôn bán tiện lợi... Ta sẽ mừng rằng đã may-mắn qua được những đêm rùng-rợn mà nhiều cụ đến nay mỗi khi nhắc lại vẫn còn ghê-sợ tưởng như mình từ thế-giới nọ bước sang thế-giới kia vậy.

TIÊN-ĐÀM

(1) Cổng này xây năm 1749 (niên hiệu Cảnh-Hưng nhà Lê) để phòng-ngữ kinh thành về mặt sông Nhị hà. (theo Maspéro, Bulletin E F E O 1910, p. 562). Cổng có tường bao lơn, có vòm canh và ngay lối đi còn một tấm bia, khắc năm Tự-Đức thứ 34 (1882) cấm người canh cổng không được phép đòi tiền của người qua cổng.

(2) thuật theo nhời thân mẫu tôi kể lại.

Xin lỗi

Vì mấy kỳ này nhiều bài, nên « Mẹo tiếng ta » phải tạm gác. Xin các bạn lượng thứ

Kỳ sau

Lũy Đồng-Hới

của Nhật-Nham

Sách mới

Bản-chí mới nhận được:

1· Tùy bút của ông Nguyễn Tuân, sách giày 180 trang, giá 0p, 60.

2· Số-mệnh trên đường tay (khoa học) của ông Hà minh-Tiến, sách giày 68 thang, giá 0 p, 30.

3 Đường tơ chưa dứt (truyện dài bằng thơ) của ông Phi tâm-Yến, sách giày 50 trang, giá 0 p, 40.

Ba quyển trên đều do nhà in Cộng-Lực xuất-bản.

4 Bài việt ngữ quốc bảo, vừa học đặt tiếng, đặt câu việt-ngữ, vừa chơi giải trí, sáng-chế của ông giáo Vũ Chu-Trinh, không thấy đề giá.

Xin cảm-tạ các tác-giả, các nhà xuất-bản, và giới-thiệu cùng độc-giả Tri-Tân.

ĐỀU MỚI IN LẦN THỨ 2

SỐ TỬ VI LẬP THÀNH

Dạy lấy số tử-vi không phải tính các Sao — dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

Giá 0p.60

TỬ VI PHỤ ĐOÁN

Lối vào quyển trên — Giá 0p.35

của

nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là Nguyễn-Phúc-Am, chủ Thiên-Phúc-Đường

◆

Mua buôn tại hiệu sách Đông Tây

195, Phố Hang Bông — Hanoi

Mua lẻ cả hai quyển gửi bằng tem (cò) cũng được, nhớ thêm tiền cước là 0p.26 cho hiệu sách ấy.

MẤY QUYỂN SÁCH RẤT CÓ ÍCH

của ông

Nhật - Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

HƯNG-YÊN ĐỊA-CHÍ giá 0p.80

BẮC-GIANG ĐỊA-CHÍ giá 1p 50

kể rõ cả:

Hình thể Chính trị, kinh tế, danh lam, thắng cảnh, các bậc danh nhân, những truyện cổ tích, có cả danh sách các xã, xếp theo thứ tự A. B. C. lại có bản đồ phụ đính.

TRỊNH-GIA CHÍNH-PHẢ (*Lịch-sử chúa Trịnh trong vòng 249 năm*). 0p.40

Ba quyển sách này đã được Hội - đồng duyệt sách cho dùng trong các học-đường Đông-pháp.

●

Mua buôn có hoa hồng hậu. Mua lẻ gửi thư về cho ông chủ hiệu sách Đông-Tây 195 hàng Bông Hanoi nhớ thêm tiền cước về

quyển Hưng-yên địa - chí là 0p.36

quyển Bắc-Giang địa - chí là 0p.46

quyển Trịnh-Gia Chính-Phả... là 0p.36

Công-dụng của bài MINH

MINH là gì ? Viết và ghi khắc lấy việc hay, điều tốt của người đã qua, kể rõ, nêu-rột ra cho đời sau biết.

Đem sử-ký mà so-sánh thì *Minh* gần như sử-ký.

Sử-ký thiên về phương-diện quốc-gia ; *Minh* chỉ có một công-dụng đối riêng với một gia-tộc hay một đoàn-thể. Sử-ký chép cả điều hay, điều dở ; *Minh* cốt ghi nhớ công-đức, tài-hạnh và chí-khí người đời trước, cho người đời sau biết mà noi theo. Người nào lúc sinh-thời làm điều xấu, lúc chết không có bài minh.

Bài minh hoặc để trong miếu thờ, hay xây trước mộ, dưới mắt người qua lại.

Làm ra bài Minh để tỏ lòng kỷ-niệm kẻ khuất và để khuyến-khích người còn.

Bấy nay, vì cuộc thế biến-thiên, trong nước ít có bài Minh lưu-truyền, mà dù có, bài Minh cũng mất cả tinh-thần cao-thượng.

Lắm kẻ, không noi nhẽ phải, khi cha mẹ khuất, cố làm bài Minh để khoe khoang sự-nghiệp, mặc dầu lúc sinh-thời, cha mẹ vẫn làm điều sằng. Thế mà nhà học-giả nào không từ-chối khi người ta nhờ làm bài Minh ấy, tất phải thêm đặt cho hay, thì ngòi bút tất xa sự thực.

Muốn nhờ ai làm bài Minh, cần nên lựa chọn cẩn-thận. Nếu nhờ người không giỏi, bài minh sẽ chép không được công-bình và ra ngoài sự thực. Cho nên, trăm năm trở lại đây, nhiều nhà có bài Minh, nhưng truyền-tụng rất ít. Tại sao ? Vì những bài Minh ấy, nhờ nhẽ tuy chải-chuốt, nhưng phần nhiều tán-dương một cách quá đáng, làm cho đời sau mất cả lòng tín, nên dần-dần bị mai-một.

Bài Minh muốn làm được công-bình và phải nhẽ, tất cần phải người có đạo-đức và có học-thức uyên-thâm.

Tại sao cần phải chọn người như thế ? Vì thường-tình, người ta làm việc gì lắm khi người ngoài không hiểu rõ. Cũng có người làm lắm việc hay, sự thực to hơn tiếng đồn. Lại lắm kẻ làm ít mà tiếng đồn to hơn sự thực. Như vậy, tay cầm bút nếu không phải là người đạo-đức, công-bình và từng-trải, thì làm sao phân biệt được rõ ràng và bàn-bạc cho thẳng-thắn ? Mà có được thế thì mới công-bằng phải nhẽ khỏi mang tội lừa gạt người đời.

Nhưng, thế cũng chưa đủ. Lại cần phải câu văn hay, nhời nhẽ chải-chuốt, mới được truyền-tụng. Thế cho nên bài Minh lại cần phải do ngòi bút văn-chương viết ra mới được.

Soạn bài Minh phải cần người đạo-đức lại có văn tài là vì nhẽ đó. Nhưng được người vừa có đạo-đức, vừa có văn-chương, không phải là dễ ! Cũng có khi cùng thời mà có, hoặc vài mươi năm mới có một người.

Ấy, làm một bài minh có thể truyền-tụng được, khó như thế.

Việc làm của người đã giỏi giang, lại được người đủ tài-đức biểu-dương trong một bài Minh công-bình, phải nhẽ, thì làm gì chẳng được truyền-tụng đời đời ?

Đọc truyện người đời trước, đến chỗ cảm-động, còn rơm rớm nước mắt, phương chi nghĩ đến công-đức tổ-tiên, con cháu há lại chẳng noi gương sáng, để trở nên người hữu-dụng, vinh-tổ riệu-tông ?

Nhờ bài Minh, ai nấy sẽ nhớ đến câu : « Cọp chết, để da, người ta chết, để tiếng lại ». Dưới ảnh-huởng nó, người ta sẽ làm thiện hoặc dần đổi lỗi.

Người có con cháu, ai chẳng muốn giậy con cháu trở nên hay ? Người có ông cha, ai chẳng muốn làm sáng danh ông cha ? Ấy bao nhiêu việc hay của người ta trong lúc sinh-thời đều nhờ có bài Minh biểu-dương mà được đời sau truyền-tụng mãi mãi.

Bài minh có công-dụng khuyến-khích người ta làm điều hay và bớt sự càn-bậy, khỏi gây ra nhiều nỗi đắng cay chua xót trên sân khấu doanh-hoàn là thế đó !

Vậy nên ở thời buổi người mình đương quá thiên về vật-chất này công-dụng bài Minh giúp cho tinh thần mạnh mẽ, không phải là nhỏ.

NHẬT-NHAM

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHUC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 7

THẾ sao lại ốm nặng? Sao Tướng quân biết? Văn-Khuê đã biết nàng ốm không phải vì giận liền thuật hết mọi việc xảy ra ở chàng cho đến khi nộp mình cho quan Phủ-doãn Phụng-thiên! Bạch-Y nương cảm-động, long lanh đôi mắt, vội tru lên rằng:

— Giời ơi! Tướng-quân vì quá yêu thiếp mà tự làm khổ mình đến thế ư?! Vậy cớ sao hôm ấy Tướng-quân lại bỏ chạy?

— À, hôm ấy, tôi chỉ thầm khen sắc đẹp của phu-nhân, song lại nghĩ cái cô này kiêu căng tự phụ quá lắm. Ta phải cho cô ấy nhụt đi mới được. Thế là tôi đi. Nhưng sau này, nó mới áy náy nao nao thế nào ấy, nên tôi mới phải làm thế.

Bạch-y nương phá lên cười, rồi nũng nịu nói với chồng:

— Thiếp bắt đền chàng đấy. Chàng làm thế thế cũng vậy. Thiếp ốm trước vì tức, sau vì tương tư chàng. Cha thiếp biết, nên mới có tờ thông tư tróc nã ấy. Khi được tin đã bắt được chàng đến Tướng-phủ, thiếp khỏi bệnh, chực sang thăm chàng và căn vặn mấy điều. Song xét lại, thấy chàng kiêu kỳ quá, không dập bớt đi cho thuần thục thì khó lòng mà cầu thân được, nên thiếp mới để giam chàng lâu đến thế!

Lúc ấy Văn-Khuê mới biết rõ sự thể, hớn hở hỏi vợ;

— Té ra nhờ có phu-nhân, tôi mới được giam lỏng và hậu đãi như vậy?

— Nếu không, một tên phạm nhân bị bắt giam đâu lại được an nhàn như thế?

Văn-Khuê tươi cười âu yếm bảo vợ:

— Chúng ta đều nghĩ như nhau. Thật là tâm đầu ý hợp. Duyên giời đã định, xin nguyện cùng nhau bách niên giai lão.

— Đã hẳn...

Tri-âm nay gặp tri-âm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai!
Đôi bên cân sắc, cân tài,
Một duyên kỳ ngộ, một đời anh hoa.

●

PHẦN THỨ HAI

I

Hai mươi năm qua.

Năm ấy là năm Canh-dần, niên hiệu Hưng-trị thứ ba (1591). Miền Nam, quân Trịnh-Tùng công phá rất hăng, đánh cướp núi Tam-điệp, tiến quân ra Trường-an, xuyên qua cửa Thiên-quan (Nho-quan bây giờ), ven đường núi lên đánh Mỹ-lương, Thạch-thất. Nguyễn-Quyện và Văn-Khuê phải luôn luôn cầm quân ngoài trận địa, một năm họa hoằn mới giở về Triều một vài lần rất ngắn.

Bạch-Y nương nhiều bận theo chồng ở chỗ chiến trường; nhưng năm nay vì đứa con nhỏ ốm, nên nàng phải đem con về Kinh-kỳ dưỡng bệnh. Vợ chồng nàng được hai người con giai tuấn tú và ngoan ngoãn: con cả là Văn-Nguyên, 19 tuổi, theo cha luyện tập binh đao; con nhỏ là Văn-Chương, còn ít tuổi bên ở với nàng bên Tướng phủ.

Trước kia, nàng nâng vào cung chơi với em là Đương-Kim Hoàng-hậu. Nhưng từ khi Mạc-Đế Mậu-hợp nói sỗ-sàng với nàng ở bữa tiệc đặt trong Tiêu-phòng, nàng không ra vào thăm em nữa. Nàng còn nhớ những cử-chỉ lẳng-lơ, những nhời nói lơi-lả của vua trong bữa tiệc ấy...

Mãi đến hôm nay, ngồi khâu áo cho con, nàng đương trạnh lòng nhớ đến đức Lang-quân xông pha nơi tên đạn, thì chợt một con thị-tỳ vào bẩm có viên thái-giám thân tín của Hoàng-hậu xin vào hầu. Nàng cho vào. Viên thái-giám dâng nàng một bức thư phong kín của Hoàng-hậu. Nàng vội mở ra xem. Thơ rằng:

« Kính thưa chị,

« Em ốm nặng, mê man cả người! Lâu nay mong mãi, không thấy chị vào chơi, lòng em nhớ lắm! Nay em ốm không biết sống chết thế nào, mời chị vào chơi ngay cho em được gặp.

« Em lậy dâng:

« Chinh nam Đại-tướng, Định-tây hầu phu-nhân mở xem.

« Hoàng-Hậu Hưng-Trị năm thứ ba, ngày mùa thu ».

Bạch-y-nương xem xong, nhìn nét chữ, nhận rõ lối viết của em, có phần nguệch ngoạc vì đương ốm, nàng gấp thư lại, hỏi sứ-giả:

— Hoàng-hậu se mình từ bao giờ?

— Tâu lệnh-bà, ngọc-thể Thánh-mẫu không yên đã ba hôm nay!

— Vậy anh về đi, ta sẽ đến.

Rồi, nàng truyền sắp kiệu, vào cung.

Vào đến Đông-cung, nàng thấy Mạc-Đế đã ở đấy rồi, vội sụp lạy và chúc:

— Bái chúc Thánh-thượng vạn thọ vô cương!

Mạc-Mậu-Hợp sai cung-nữ đỡ nàng dậy và đăm đăm nhìn nàng. Bởi vì nàng, cái vẻ đẹp lúc này lại càng rắn rỏi và bộc-lộ hơn khi còn trẻ. Vẫn dáng người mạnh mẽ và uyển-truyển ấy, vẫn tấm thân đầy đặn mà nở nang ấy, vẫn vẻ mặt yêu-kiều mồng mọng ấy, vẫn cặp mắt long lanh huyền-ảo ấy, nay lại thêm phảng-phất một cái gì sắc-sảo, mơ màng như quyến-dũ người ta, như đưa người ta vào cõi mộng.

Mạc-Đế mời nàng ngồi, lòng còn đương ngây ngất, không nói câu gì.

Nàng bạo dạn hỏi trước :

— Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-bà ngự thể không an thế nào ?

Lúc ấy, Mậu-Hợp mới sực nhớ ra, thong thả đáp :

— Ấy, Hoàng-hậu mới bị cảm từ sáng qua. Chiều hôm qua, kịch liệt lắm ! Xuốt đêm không ngủ được ! Thầy thuốc tâu hễ ngủ được thì mới vô-sự. Bây giờ Hoàng-hậu vừa ngủ, trẫm ra đây, Phu-nhân ngồi đợi một lát.

Im lặng như nghĩ ngợi, nhà Vua tiếp :

— Chiều thu hiu hắt, buồn như một đám tang, Phu-nhân có thấy thế ?

Vô tình, nàng đáp :

— Vâng, tâu Bệ-hạ, buồn thật nhất là lại có gió heo may và lác đác lá vàng rụng !

— Phải, trẫm thấy buồn rười rượi ! Mình còn thế, huống chi những người ngoài góc biển chân giời ! À, trẫm hỏi thực nhé : những buổi chiều thu bảng lảng như thế này, một mình trong cô-phòng tịch mịch, xa bạn trăm năm, phu-nhân có thấy lòng nao nao buồn không ?

Thấy câu nói sỗ-sàng quá, nàng bực tức lắm, song cũng cố nén đáp lại :

— Tâu Bệ-hạ, làm tài giai phải hồ-thỉ bốn phương, ra công giúp nước. Người anh-hùng theo việc quân-vương, kẻ làm vợ phải biết vui vẻ mà duy-trì gia-đạo, cho kẻ phương xa được yên lòng. Thần thiếp lại sung sướng tự hào có một người chồng làm tướng biết lấy việc vua việc nước làm nặng. Thần thiếp không bao giờ buồn. Nhưng thần thiếp xin mạn phép : sao Bệ-hạ lại hỏi như thế, khi thần thiếp vào thăm tin Đức bà Đông-cung ?

Mạc-Đế cười xòa :

— Ấy, trong khi đợi, trẫm nói chuyện cho đỡ buồn. Nhưng *khanh* đã *tự dối* mình và chực dối cả người ! Những buổi chiều tàn như thế này, gió heo may từng cơn rền rỉ ngoài giời, mây đục từ từ bay vụn vút kéo về phương xa, ai mà chả rạo rực nhớ nhung hình ảnh năm xưa ?... ai mà làm thinh cho được... ? ai mà chả rạo rực trong lòng... ? « *Hồi giao Phu tế mịch phong hầu*», *Khanh* có nhớ câu ấy ở đâu không ? Câu Đường-thi của Vương-Xương-Linh đấy. Nó mô-tả rõ cái lòng đàn bà những ngày xuân rờn rờn và chiều thu bảng lảng mới hối tiếc đã để cho chồng lìa nhà, đi trận, mải miết theo kiếm cái « *Ấn-phong-hầu* » ! Mà bọn đàn ông hiếu-thắng ấy họ chỉ ham thích công-danh, có nghĩ gì đến niềm riêng cùng phụ-nữ !...

Thấy nàng ngồi im, Mậu-Hợp mạnh bạo tiếp :

— Nếu quả *Ái-Khanh* buồn vì nỗi cô phòng, trích ảnh, thì đây trẫm rất sung sướng được cùng ái-khanh chia xẻ nỗi buồn. Người ta, xuân xanh mấy chốc đã già, đến lúc luống tuổi ngoảnh lại trông xuân thì đã muộn ! Còn được ngày nào tráng kiện, ta nên tận hưởng cái thú giời cho

Giận đầy lên đến cổ, Bạch y nương nói :

— Sao Bệ hạ lại có thể ăn nói rông càn đến thế ? Bệ hạ không nhớ rằng mình là chủ cả thần dân..

— Là chủ cả thần dân và.. muôn loài, nên *trẫm muốn* tức là *giời muốn*. Nay trẫm giàu có bốn bể, trăm họ tin theo, một tiếng gọi, muôn nghìn người dạ, một lịnh truyền, uy phúc sinh tử muôn dân ! Giàu sang thật là vô đối. Mà *Ái-Khanh* là bậc quốc sắc thiên-hương, vẻ đẹp ấy tài cao ấy, khắp gầm giời khôn kiếm được thêm người nữa như vậy. Đem giàu sang kia mà sánh với tài sắc này, rõ là hợp lẽ giời. Của cải trẫm tức là của *Ái-Khanh*, quyền thế trẫm tức là quyền thế của *Ái-Khanh*. Một nhời nói của *Ái-Khanh* tức là lệnh-truyền cho cả thần dân thiên hạ ! Còn anh chàng Định Tây hầu chỉ là một người ham mê tước lộc, chúng ta cứ phong tiến chức cho. Như thế tưởng cũng đã đáng lắm rồi.. Trẫm với *Ái-Khanh*...

Mậu-hợp đứng lên toan lại gần Bạch-y-nương... Nàng cũng đứng phắt dậy, cướp lời :

— Thần-thiếp không ngờ Bệ-hạ lại đối xử với bầy tôi như vậy ! Người ta chịu khổ sở, bỏ quên cả những vui thú riêng tây, để đem thân ra chỗ chiến trường, giữ giang sơn và ngôi báu cho Bệ-hạ, thế mà Bệ-hạ báo ơn ấy bằng cách chực chiếm vợ người ta ! Dễ chỉ riêng Bệ-hạ có tình yêu thương đấy nhỉ ?

Mậu-Hợp cười lớn :

— *Ái-khanh* nhầm rồi ! Trẫm có bắt họ thế đâu. Tự họ đấy chứ. Họ tham tước lộc, thì họ phải khó thân ! *Muốn bắt hổ con, tất phải vào hang hổ !* Cái đó là lẽ tất nhiên. Còn như bảo trẫm chiếm vợ con người, thật Ái khanh đã nóng nẩy mà không suy xét. Chẳng qua, vì trọng tài và mến sắc Ái-khanh, trẫm phải *tòng quyền, đạt lý* mà tự nhiên bầy tỏ. Tài sắc ấy đáng làm mẫu-nghi thiên hạ !

Bạch-y nương đôi mắt đỏ ngầu, hầm hầm nói :

— Bệ hạ là một bạo-chúa ! Đông cung đương ốm nặng mà không thương, quân giặc đã vào cõi mà không lo lăng chỉ mải nghĩ kế quyến dỗ vợ người ! Cậy quyền thế mà làm càn, thần thiếp sợ rằng việc rối loạn không những từ ngoài kéo vào, mà cái nguy cơ nước mất sẽ mọc ngay từ trong cung trước...

Nàng toan chạy ra, nhưng mọ cửa đều đã đóng hết, nên đành phải đứng lại.

(Còn nữa)

GIÁ BÁO

1 năm 5p.50 Nửa năm 2p 80
3 tháng 1p.50 Mỗi số 0p 12

Công sở và ngoại - quốc gấp đôi

Thư và ngân-phiếu gửi cho ông Nguyễn-tường-Phượng 349, phố Huế Hanoi

QUOC-SU DINH-NGOA

Cuốn sách đầu tiên của Quốc-Học-Thư-Xã (giá 0p 50) bán gần hết

được các báo phê-bình như sau này :

« *Khảo-cứu phê-bình công phu...tài-liệu phong-* « *phú, văn-tại ro ràng, chắc sẽ được các bạn* « *hoan-nghênh lắm* »

(Trung-Bắc chủ nhật số 70)

« *Sách in đẹp, nghị-luận xác-đáng, xin giới-* « *thiệu các bạn một cuốn sách nên đọc* »

(Đông-Pháp số 4874 ngày 11-7-41)

« *Một cuốn khảo-cứu phê-bình sử-học viết* « *đứng-đắn chắc được hoan-nghênh lắm* »

(Tiểu-thuyết thứ-Bảy số 370 ngày 19-7-41)

« *Sách khảo-cứu rất công-phu, phê-bình rất* « *xác thực* »

(Báo mới số 71 ngày 7-7-41)

« *Quốc-Sử Đinh-Ngoa là cuốn sách khảo-cứu* « *phê-bình sử-học mà bạn Văn-Học đã sưu-tầm* « *được rất nhiều tài-liệu để phá tan những* « *sự lầm-lẫn trọng lịch-sử Việt-Nam* »

(Việt-báo số 1509 ngày 7-7-41)

« .. *Tập sử-liệu này sẽ làm xáo-trộn học-giới* « *và sử-giới xứ này đây !* » ..

« *Mới đệ lên thiên-hạ lần thứ nhất mà đã* « *thành-công rồi ! . . . Học-giới nên thành-thật* « *chú-ý đến sách của ông Lê-văn-Hoè* » . . .

(Đông-Dương ngày 19-7-41)

ĐÃ CÓ BÁN

Kinh thi Việt-Nam (*bị cấm*) *của Trương-Tửu 0p 70*

Một sức khỏe mới *của P. N. Khuê 0. 40*

Một chuỗi cười *của Đồ-Phồn 0. 60*

Một kiếp đọa đầy *của Trương-Tửu 0 60*

MỚI CÓ BÁN

Chiếc lư đồng mắt cua *của Nguyễn-Tuân 0 65*

ĐANG IN

Nguồn sinh lực quyển II trong bộ sách « Sức Khỏe Mới » *của P. N. Khuê 0. 45*

Mua một quyển không bán lĩnh hóa giao ngân, gửi kèm thêm 0p 20 tiền cước

HÀN - THUYÊN XUẤT - BẢN - CỤC

71. Phố Tiên-Tsin — Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ-HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 78 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân

Administrateur : Gérant : Dương-tự-Quán